

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 462/QĐ-TĐHTPHCM ngày 21 tháng 6 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)*

**TP. Hồ Chí Minh, năm 2018**

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 462/QĐ-TĐHTPHCM ngày 21 tháng 6 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)*

**TP. Hồ Chí Minh, năm 2018**

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 462/QĐ-TĐHTPHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung trình độ đại học  
hệ chính quy ngành Quản trị kinh doanh**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 3479/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung trình độ đại học hệ chính quy với thời gian đào tạo là 04 năm (Chương trình đào tạo kèm theo) ngành Quản trị kinh doanh, mã số 7340101.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các sinh viên từ khóa tuyển sinh năm 2018.

**Điều 3.** Các Ông (Bà): Trưởng các Phòng, Khoa/Bộ môn và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu VT, ĐT.



**Vũ Xuân Cường**

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 07 Đại học chính quy)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHTPCM ngày tháng năm 2018 của  
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

Mã số : 7340101  
Tên ngành : *Quản trị kinh doanh (Business Administration)*  
Tên chuyên ngành : *Quản trị kinh doanh Tổng hợp* Mã CN: 734010101  
Trình độ : *Đại học Chính quy*  
Hình thức đào tạo : *Tập trung*

### 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Cung cấp cho xã hội những cử nhân quản trị kinh doanh có kiến thức chung về kinh tế - xã hội; kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh; có kỹ năng quản trị doanh nghiệp và kinh doanh; có những kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp, đảm bảo khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. Đồng thời những cử nhân QTKD có thái độ tốt về nghề nghiệp, có đạo đức, phẩm chất tốt, tinh thần trách nhiệm cao để phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ Đại học nhằm trang bị cho sinh viên:

- Hệ thống kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật đại cương phù hợp với ngành quản trị kinh doanh.
- Hệ thống các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên phù hợp với ngành quản trị kinh doanh
- Kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và thực hành nghề nghiệp vững chắc, chuyên sâu lĩnh vực quản lý tổ chức, quản trị doanh nghiệp
- Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và làm việc. Kỹ năng sử dụng các phần mềm văn phòng và các phần mềm khác phù hợp với chuyên ngành đào tạo đáp ứng được nhu cầu công việc.
- Đủ năng lực tự khởi nghiệp, là chủ các doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; có tinh thần tự chịu trách nhiệm cá nhân, chịu trách nhiệm trước nhóm trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Có khả năng và tinh thần tự học và học tập nâng cao trình độ. Có khả năng đảm nhận các vị trí như chuyên viên, quản lý ở các bộ phận chức năng.

## 2. Chuẩn đầu ra:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, sinh viên đạt được:

### **Yêu cầu về kiến thức**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đại học ngành Quản trị kinh doanh có kiến thức sau:

- Có kiến thức về chính sách pháp luật Việt Nam hiện hành để tiếp thu và thực hiện đúng đắn các chủ trương chính sách của nhà nước trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Kiến thức về Luật doanh nghiệp, Luật thương mại,....

- Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh tế xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo. Kiến thức nền tảng ngành quản trị như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị học, Marketing, Nguyên lý kế toán, Tài chính-tiền tệ,....;

- Có kiến thức cơ bản về toán, và ứng dụng toán học trong quản lý kinh tế và kinh doanh như: xác suất thống kê, toán kinh tế, kinh tế lượng, phân tích hoạt động kinh doanh,....đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

- Có kiến thức chuyên ngành về quản trị nhân sự, quản trị chiến lược, quản trị chất lượng, quản trị marketing, quản trị sản xuất, quản trị tài chính, quản trị dự án, quản trị rủi ro, ....phù hợp thực tế.

- Có thể vận dụng các nghiệp vụ quản lý: tin học quản lý kinh doanh, nghiệp vụ kế toán, khai báo thuế, lập hồ sơ dự án kinh doanh, tín dụng ngân hàng, thẩm định và ra quyết định đầu tư....vào công tác thực tế.

### **Yêu cầu về kỹ năng**

Sau khi tốt nghiệp chương trình cử nhân quản trị kinh doanh, sinh viên có các khả năng sau:

#### **1. Kỹ năng cứng**

- Có khả năng hỗ trợ xây dựng hoặc xây dựng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp ;

- Thống kê, xử lý số liệu kinh doanh, phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động tổ chức và tuyển dụng nhân sự, các hoạt động nghiên cứu thị trường.... của doanh nghiệp và các tổ chức khác. Tham mưu cho lãnh đạo ra quyết định trong các hoạt động này;

- Có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống quản lý chất lượng, dự án đầu tư. Hoạch định chiến lược marketing cho thương hiệu và sản phẩm của doanh nghiệp

- Có khả năng tham gia tổ chức, điều hành và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **2. Kỹ năng mềm**

- Biết cách giải quyết tình huống, vấn đề công tác có cơ sở khoa học, áp dụng vào thực tế và tuân thủ theo quy định của Luật pháp

- Có khả năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, quản lý xây dựng và phát triển đội ngũ và kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thương lượng và giải quyết vấn đề;

- Sinh viên tốt nghiệp ra trường phải đạt được các điều kiện sau:

#### **+ Tin học**

- Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản/nâng cao hoặc tương đương MOS 700 (Word, Excel, Powerpoint).

- Chứng chỉ quốc gia Tin học trình độ B (thời gian học khóa học trước ngày 10/08/2016) hoặc giấy chứng nhận tương đương do trung tâm Ngoại ngữ và Tin học của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường cấp

#### + Tiếng Anh

- **Đối với sinh viên đại học khóa 01,02,03:**

Chứng chỉ QG tiếng Anh trình độ B hoặc tương đương (TOIEC từ 370 điểm trở lên; TOEFL-iBT từ 40 điểm trở lên, IELTS từ 3.75 điểm trở lên, A2 theo chuẩn châu Âu.

- **Đối với sinh viên đại học khóa 04 trở đi**

Chứng chỉ tiếng Anh TOIEC 400 điểm trở lên hay tương đương (TOEFL Paper 433, TOEFL IBT 40, IELTS 3.5, B1 Châu Âu;...) hoặc giấy chứng nhận TOIEC nội bộ 400 điểm trở lên do trung tâm Ngoại ngữ và Tin học của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM cấp

#### **Yêu cầu về thái độ**

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân
- Có thái độ, lòng yêu nghề và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn
- Chấp hành nghiêm túc Pháp luật nhà nước và các quy định của tổ chức làm việc
- Có ý thức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm cao, tác phong chuyên nghiệp và tự tin trong công việc
- Năng động, sáng tạo, cầu tiến trong công việc
- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ

### **3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:**

#### **a. Kiến thức giáo dục đại cương:**

- + Khối giáo dục đại cương bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: **45** tín chỉ.
- + Khối giáo dục đại cương không bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: **32** tín chỉ, trong đó có 30 tín chỉ bắt buộc, 2 tín chỉ tự chọn.

#### **b. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 104 tín chỉ.**

- Khối kiến thức cơ sở: **57** tín chỉ.
  - + Bắt buộc : **49** tín chỉ.
  - + Tự chọn : **8/24** tín chỉ (**08** tín chỉ tự chọn để học / tổng số **24** tín chỉ tự chọn).
- Khối kiến thức chuyên ngành: **33** tín chỉ.
  - + Bắt buộc: **23** tín chỉ.
  - + Tự chọn: **10/41** tín chỉ (**16** tín chỉ tự chọn để học / tổng số **41** tín chỉ tự chọn).
- Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: **12** TC.
  - + Thực tập tốt nghiệp: **4** TC.
  - + Khóa luận tốt nghiệp: **8** TC.

### **4. Đối tượng tuyển sinh**

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

#### **5.1. Quy trình đào tạo**

Được thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BT L	ĐA	TT	LV	Học kỳ	HP học trước
<i>Chọn ít nhất 2 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</i>											
17	18011002	Tâm lý học quản trị	2	30	0	0	0	0	0	1	
18	18011053	Tối ưu hoá trong kinh doanh	2	30	0	0	0	0	0	1	
19	18031020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	30	0	0	0	0	0	1	
20	18011054	Văn hoá doanh nghiệp	2	30	0	0	0	0	0	1	
<b>II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>			<b>57</b>								
• <i>Các học phần bắt buộc</i>			<b>49</b>								
21	18021001	Kinh tế vi mô	3	45	0	0	0	0	0	2	
22	18021002	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	0	0	0	0	2	
23	18011001	Quản trị học	2	30	0	0	0	0	0	1	
24	18011095	Marketing căn bản	3	45	0	0	0	0	0	3	
25	18021005	Nguyên lý kế toán	3	45	0	0	0	0	0	3	
26	18021210	Kinh tế lượng	3	45	0	0	0	0	0	3	11111011
27	18021020	Tài chính - Tiền tệ	3	45	0	0	0	0	0	4	
28	18011136	Quản trị tài chính	3	45	0	0	0	0	0	5	18011001
29	18011043	Quản trị chiến lược	3	45	0	0	0	0	0	5	18011001
30	18011098	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	0	0	0	0	0	4	18011001
31	18011045	Quản trị dự án	3	45	0	0	0	0	0	5	18011001
32	18011099	Quản trị Marketing	3	45	0	0	0	0	0	4	18011001
33	18011055	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp	3	45	0	0	0	0	0	5	
34	18021021	Kế toán tài chính	3	45	0	0	0	0	0	4	18021005
35	18021111	Kế toán quản trị	3	45	0	0	0	0	0	5	
36	18011056	Đại cương về lãnh đạo tổ chức	2	30	0	0	0	0	0	3	
37	18011087	Đại cương về kinh doanh bất động sản	2	30	0	0	0	0	0	4	
38	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở	1	15	0	0	0	0	0	4	18011050
• <i>Các học phần tự chọn (Chọn 8/24 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau)</i>			<b>8</b>								
	Tự chọn 1 ( <i>Chọn ít nhất 4 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau</i> )		4								
39	18011170	Anh văn chuyên ngành	2	30	0	0	0	0	0	3	11131007
40	18031012	Kinh tế phát triển	2	30	0	0	0	0	0	3	
41	18031021	Kinh tế quốc tế	2	30	0	0	0	0	0	3	
42	18031001	Kinh tế môi trường	2	30	0	0	0	0	0	3	
43	18011018	Thị trường chứng khoán	2	30	0	0	0	0	0	3	
44	12111006	Luật kinh tế	2	30	0	0	0	0	0	3	12111005
	Tự chọn 2 ( <i>Chọn ít nhất 4 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau</i> )		4								
45	18011005	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0	0	0	0	0	5	
46	18021122	Phân tích báo cáo tài chính	2	30	0	0	0	0	0	5	
47	18021127	Phân tích định lượng	2	30	0	0	0	0	0	5	
48	18021008	Phân tích kinh doanh	2	30	0	0	0	0	0	5	
49	18011031	Quản trị chất lượng	2	30	0	0	0	0	0	5	18011001
50	18021023	Thanh toán quốc tế	2	30	0	0	0	0	0	5	
<b>III. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>33</b>								
• <i>Các học phần bắt buộc</i>			<b>23</b>								
51	18011057	Đề án chuyên ngành QTKD Tổng hợp	2	0	0	0	90	0	0	7	



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BT/L	ĐA	TT	LV	Học kỳ	HP học trước
52	18011058	Quản trị kinh doanh thương mại và dịch vụ	3	45	0	0	0	0	0	7	
53	18011059	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3	45	0	0	0	0	0	6	
54	18011060	Quản trị Logistics	3	45	0	0	0	0	0	7	
55	18011111	Quản trị văn phòng	3	45	0	0	0	0	0	6	
56	18011121	Hành vi tổ chức	3	45	0	0	0	0	0	6	
57	18011023	Hành vi khách hàng	3	45	0	0	0	0	0	6	
58	18011061	Quản trị sự đổi mới	3	45	0	0	0	0	0	7	
<b>• Các học phần tự chọn (chọn 10/41)</b>			<b>10</b>								
<b>Chọn ít nhất 10 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</b>											
	Tự chọn 1 (Chọn ít nhất 4 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau)		4								
59	18011008	Thương mại điện tử	2	30	0	0	0	0	0	6	
60	18021012	Nghiệp vụ ngoại thương	2	30	0	0	0	0	0	6	
61	18011088	Giao dịch thương mại quốc tế	2	30	0	0	0	0	0	6	
62	18011006	Đạo đức kinh doanh	2	30	0	0	0	0	0	6	
63	18021004	Thuế	2	30	0	0	0	0	0	6	
64	18021034	Phân tích dự án đầu tư	2	30	0	0	0	0	0	6	
65	14011009	Công nghệ sản xuất sạch	2	30	0	0	0	0	0	6	
	Tự chọn 2 (Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau)		6								
66	18011062	Nghiên cứu Marketing	3	45	0	0	0	0	0	7	18011003
67	18011063	Quản trị truyền thông Marketing tích hợp	3	45	0	0	0	0	0	7	18011003
68	18011064	Marketing dịch vụ	3	45	0	0	0	0	0	7	18011003
69	18011065	Marketing công nghiệp	3	45	0	0	0	0	0	7	18011003
70	18011066	Marketing quốc tế	2	30	0	0	0	0	0	7	18011003
71	18011130	Marketing xanh	3	45	0	0	0	0	0	7	18011003
72	18011027	Quản trị thương hiệu	3	45	0	0	0	0	0	7	18011001
73	18011113	Quản trị bán hàng	3	45	0	0	0	0	0	7	
74	18011014	Quản trị rủi ro	2	30	0	0	0	0	0	7	
75	18021024	Quản trị chi phí kinh doanh	2	30	0	0	0	0	0	7	18011001
<b>IV. THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP</b>			<b>12</b>								
76	18011037	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	0	0	180	0	8	
77	18011038	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	0	0	0	0	360	8	

### 7.2. Mô tả nội dung học phần trong chương trình đào tạo

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>1. Khối giáo dục đại cương</b>					
1	12111001	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	- Nội dung học phần: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
2	12111002	NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lê nin 2	- Nội dung học phần: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	3	
3	12111013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	2	
4	12111004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Nội dung học phần: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	3	
5	11131006	Anh văn 1	Thông qua 7 đơn vị bài học cung cấp cho sinh viên một số lượng từ vựng phong phú về các chủ điểm giáo dục, công việc, thư tín, hợp đồng, .... Về cú pháp cung cấp cho sinh viên cách sử dụng các loại từ loại trong tiếng Anh, câu ra lệnh, lời đề nghị, thông báo.	3	
6	11131002	Anh văn 2	Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình Tiếng Anh 7 năm ở bậc trung học	3	
7	11111008	Toán cao cấp 1	Trang bị cho sinh viên các khái niệm về tập hợp, ánh xạ, quan hệ và quan hệ thứ tự. Sinh viên nắm được các kiến thức về định thức, ma trận và lý thuyết hệ phương trình tuyến tính. Trang bị cho sinh viên khái niệm về không gian vector, hệ độc lập tuyến tính, cơ sở và số chiều không gian, ánh xạ tuyến tính và ma trận của nó, phép biến đổi tuyến tính, vector riêng và giá trị riêng. Nắm vững đường cong bậc hai và mặt bậc hai của hình học giải tích.	2	
8	11111009	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ số học n chiều; ma trận và định	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			thức; hệ phương trình tuyến tính; dạng toàn phương; hàm số và giới hạn; phép vi phân đối với hàm số một biến số; hàm nhiều biến và hàm ẩn; các bài toán cực trị; phép tính tích phân; phương trình vi phân; phương trình sai phân.		
9	11111011	Xác suất thống kê	Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.	2	
10	12111015	Pháp luật đại cương	Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự.	2	
11	14011002	Môi trường và con người	Được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về con người và sự phát triển của con người, các khái niệm sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, sự tương tác giữa con người và môi trường, vai trò của con người trong cách tiếp cận bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể giải thích được nguyên nhân chính gây nên các vấn đề môi trường, đồng thời cũng tự đưa ra được các biện pháp và hành vi tương thích để bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững.	2	
12	18011050	Kỹ năng giao tiếp,	Đây là môn học trang bị kiến thức giúp cho học viên có được kiến thức và kỹ năng cơ bản	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
		thuyết trình căn bản	về giao tiếp trong môi trường kinh doanh năng động và toàn cầu hóa, nắm được bản chất và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh.		
13	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	Đây là môn học trang bị kiến thức giúp cho học viên có được kiến thức và kỹ năng cơ bản về giao tiếp trong môi trường kinh doanh năng động và toàn cầu hóa, nắm được bản chất và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh.	2	
14	30111002	Giáo dục thể chất 1	Phần 1: Thực hiện 90 tiết, ứng với 3 học phần: Điền kinh, bóng rổ và cầu lông, hoàn thành chương trình trong 3 học kỳ I, II và III.	2	
15	30111003	Giáo dục thể chất 2	Phần 2: Thực hiện 90 tiết, ứng với 3 học phần: Điền kinh, bóng rổ và cầu lông, hoàn thành chương trình trong 3 học kỳ I, II và III.	3	
16	201114001	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.	8	
17	18011002	Tâm lý học quản trị	Môn học Quản trị sự đổi mới cung cấp những hệ thống kiến thức, hệ thống lý luận về quản trị sự đổi mới hoạch định cho sự đổi mới, tổ chức và điều hành quá trình đổi mới, đánh giá sự đổi mới, các yếu tố để thành công trong quản trị sự đổi mới ở doanh nghiệp, nhà quản trị sự đổi mới và quản trị sự đổi mới trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2	
18	18011053	Tối ưu hóa trong kinh doanh	Trình bày những phương pháp tối ưu tiêu biểu, có nhiều ứng dụng để hỗ trợ các nhà quản trị ra quyết định trong kinh doanh. Học phần tập trung vào việc sử dụng bài toán tối ưu để mô hình hoá các vấn đề từ thực tiễn kinh doanh, thuật toán giải các bài toán tối ưu điển hình và việc sử dụng kết quả từ lời giải bài toán tối ưu để hỗ trợ việc ra quyết định kinh doanh.	2	
19	18031020	Nguyên lý thống kê	Trang bị cho sinh viên các vấn đề về lý thuyết, chuẩn bị cho những tiết thực hành trên	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
		kinh tế	máy tính có hiệu quả, là cơ sở quan trọng cho người học tiếp cận các môn học chuyên ngành kinh tế. Trang bị cho sinh viên khả năng ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh với các ví dụ gắn gũi với thực tế.		
20	18011054	Văn hóa doanh nghiệp	Trang bị những kiến thức chung về văn hóa doanh nghiệp và những kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng, và phát triển các kiến thức về văn hóa kinh doanh trong hoạt động kinh tế nói chung và trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Môn học cũng trang bị những kiến thức và kinh nghiệm thực tế về phương pháp xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp và tạo lập bản sắc văn hoá (thương hiệu) cho một tổ chức hay doanh nghiệp.	2	
<b>2. Khối kiến thức cơ sở</b>					
21	18021001	Kinh tế vi mô	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.	3	
22	18021002	Kinh tế vĩ mô	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.	3	
23	18011001	Quản trị học	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			<p>ngành của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị; nhà quản trị; môi trường quản trị; các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/điều hành và kiểm tra/kiểm soát. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị sự rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.</p>		
24	18011095	Marketing căn bản	<p>Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý marketing và sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing; Môi trường marketing và thị trường của các doanh nghiệp; nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường, gồm: các chiến lược thị trường, các chính sách marketing căn bản và tổ chức quản trị marketing của doanh nghiệp.</p>	3	
25	18021105	Nguyên lý kế toán	<p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung và việc vận dụng chúng vào doanh nghiệp: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán và lập các báo cáo kế toán tài chính, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.</p>	3	
26	18021210	Kinh tế lượng	<p>Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.</p>	3	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
27	18021030	Tài chính - Tiền tệ	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: Khái quát về tài chính, tiền tệ, tín dụng; lãi suất tín dụng, ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương; khái quát thị trường tài chính tài chính doanh nghiệp; ngân sách nhà nước; lạm phát tiền tệ,..	3	
28	18011136	Quản trị tài chính	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm: quản lý thu chi, phân tích và dự báo tài chính, quản lý đầu tư dài hạn, quản lý tài sản dài hạn, quản lý nguồn vốn, chi phí vốn,..	3	
29	18011043	Quản trị chiến lược	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.	3	
30	18011098	Quản trị nguồn nhân lực	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thù lao và các phúc lợi cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.	3	
31	18011045	Quản trị dự án	Môn Quản lý dự án đầu tư trang bị cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản về quản lý dự án, bao gồm các nội dung: Lý thuyết cơ bản và hiện đại về dự án và quản lý dự án đầu tư phát triển; Các mô hình tổ chức QLDA trong nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng; Nội dung chủ yếu của QLDA (Quản lý thời gian, quản lý chi phí,	3	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			quản lý nhân sự dự án, Phân phối nguồn lực dự án, quản lý chất lượng dự án, đánh giá và giám sát dự án...); Thực hành công tác QLDA trên cơ sở các bài tập tình huống do các nhà quản lý dự án chuyên nghiệp xây dựng		
32	18011099	Quản trị marketing	Nội dung môn học tập trung nghiên cứu quá trình quản trị marketing bao gồm: kế hoạch hoá, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và điều kiện các hoạt động marketing của một tổ chức (doanh nghiệp). Những nội dung xây dựng chiến lược và kế hoạch marketing được tập trung phân tích theo quy trình xây dựng kế hoạch từ phân tích cơ hội kinh doanh đến phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, xác lập các định hướng chiến lược, xây dựng kế hoạch hành động, phân tích tài chính. Môn học cũng tập trung vào kỹ năng phát triển các nhóm công cụ và biện pháp marketing và phối hợp các nhóm công cụ marketing trên thị trường theo những kịch bản khác nhau. Môn học cũng giới thiệu các kiểu loại chiến lược marketing điển hình và các hình thức tổ chức bộ phận quản lý marketing. Sinh viên sau khi hoàn thành môn học sẽ có kỹ năng phân tích và truyền thông của một nhà quản trị marketing, có khả năng tổ chức và quản lý hoạt động marketing của một tổ chức (doanh nghiệp) trong thực tế.	3	
33	18011055	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp	Học phần trang bị những nội dung về: nhận thức kinh doanh, ý tưởng kinh doanh, đánh giá ý tưởng kinh doanh; những vấn đề về nghiên cứu thị trường, về marketing trong khởi sự doanh nghiệp; lập kế hoạch kinh doanh, cách thức đánh giá một bản kế hoạch kinh doanh; vấn đề vốn trong khởi sự kinh doanh; lựa chọn mô hình doanh nghiệp – những vấn đề pháp lý trong khởi sự kinh doanh; tìm kiếm cộng sự; hệ thống, luật pháp, những qui định về thành lập và hoạt động doanh nghiệp,... Mục tiêu, sinh viên sẽ nắm rõ những kiến thức căn bản nhất để bắt đầu dự án của mình, đồng thời, hiểu rõ những bước đi cần thiết, những nguồn lực cần chuẩn bị, xây dựng bản Kế hoạch kinh doanh cho chính	3	



TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			dự án của cá nhân mình, những cột mốc cần vượt qua để có thể thành lập và đưa doanh nghiệp vào hoạt động.		
34	18021021	Kế toán tài chính	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung và việc vận dụng chúng vào doanh nghiệp: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán và lập các báo cáo kế toán tài chính, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán	3	
35	18021111	Kế toán quản trị	Học phần này cung cấp cho người đọc những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị bao dưới hình thức nội dung lý thuyết, thiết kế thành các công thức tính toán, những ví dụ minh họa cụ thể để người đọc có thể hiểu, vận dụng vào thực tiễn trong công tác quản trị tại các doanh nghiệp cũng như các tổ chức kinh tế nói chung.	3	
36	18011056	Đại cương về lãnh đạo tổ chức	Giúp cho người học có kiến thức căn bản về lãnh đạo, trang bị cho người học các công cụ và kỹ năng lãnh đạo từ căn bản đến cao cấp, nhằm giải quyết những tình huống cũng như thành công trong công tác lãnh đạo sau này. Học phần lãnh đạo sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng từ một số mô hình và nghiên cứu khác nhau, để rồi nhận biết tổ chất và nâng cao kỹ năng lãnh đạo trong mỗi cá nhân. Bởi một lãnh đạo không tự nhiên được sinh ra mà quá trình trao đổi, rèn luyện tôi tạo nên. (Vince Lombardi).	2	
37	18011087	Đại cương kinh doanh bất động sản	Học phần này trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về quản trị kinh doanh bất động sản và quản lý nhà nước về đất đai và thị trường bất động sản. Cụ thể như sau: Thị trường bất động sản: Là thị trường mua, bán, thuê, cho thuê nhà đất. Bao gồm người mua,	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			<p>người bán các nhà đầu tư, những nhà môi giới và các chuyên viên bất động sản. Cung bất động sản: là lượng nhà đất cần bán cho thuê trên thị trường. Cầu bất động sản: là lượng nhu cầu cần mua thuê nhà đất tại một thời điểm nào đó trên thị trường. Dịch vụ bất động sản: bao gồm các loại dịch vụ hỗ trợ cho việc mua bán, thuê nhà đất như môi giới, dịch vụ cung cấp thông tin, thẩm định giá, dịch vụ pháp lý. Giá bất động sản: trên thị trường tồn tại song song hai loại giá bất động sản. Giá nhà nước, giá thị trường: được hình thành theo biến động của thị trường, dựa trên quy luật cung cầu, quy luật giá trị ... và các yếu tố quản lý của nhà nước. Giá thị trường là sự thỏa thuận mua bán của người mua, người bán về giá trị.</p>		
38	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở	<p>Nội dung chính của học phần là cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp trong kinh doanh, đồng thời sử dụng phương pháp thực hành và giải quyết bài tập tình huống để trang bị cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp trong môi trường kinh doanh. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên có cái nhìn khái quát hơn về môi trường giao tiếp công sở của các nước tiên tiến trên thế giới nhằm giúp họ đạt hiệu quả cao trong quá trình thuyết phục và đàm phán với đối tác</p>	1	
39	11131004	Anh văn chuyên ngành	<p>Học phần giúp sinh viên đọc hiểu những bài viết, thuật ngữ chuyên ngành quản trị kinh doanh và ôn tập kiến thức Anh văn để giao tiếp trong môi trường sử dụng tiếng Anh.</p>	2	
40	18011012	Kinh tế phát triển	<p>Nghiên cứu các nguyên lý phát triển kinh tế trong điều kiện các nước đang phát triển. Cung cấp cho người học những cơ sở lý luận cũng như thực tiễn cho việc tìm ra con đường hợp lý nhất để tăng trưởng kinh tế, cải thiện và nâng cao mức sống và đảm bảo sự tiến bộ cho mọi người ở mỗi quốc gia đang phát triển.</p>	2	
41	18031021	Kinh tế quốc tế	<p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để sinh viên hiểu được cơ sở của các hoạt động kinh tế quốc tế, bao gồm các hoạt động</p>	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			thương mại quốc tế và sự phân chia lợi ích giữa các quốc gia khi tham gia các hoạt động kinh tế quốc tế. Đồng thời, môn học cũng cung cấp các kiến thức cơ bản về sự hình thành và vận động của thị trường quốc tế, mối liên hệ giữa lợi ích có được từ thương mại quốc tế với các mô hình tăng trưởng trong điều kiện hội nhập.		
42	18031001	Kinh tế môi trường	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường và phát triển, mối quan hệ giữa môi trường và phát triển, các biện pháp và công cụ kiểm soát ô nhiễm, công cụ quản lý môi trường để hướng tới phát triển bền vững.	2	
43	18011018	Thị trường chứng khoán	Hiểu được các khái niệm cơ bản về thị trường chứng khoán; vị trí, vai trò của thị trường chứng khoán trong cấu trúc thị trường tài chính. Phân biệt được các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán. Phân tích được xu hướng phát triển của thị trường chứng khoán trong thời gian tới	2	
44	12111006	Luật Kinh tế	Cung cấp kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế, pháp luật về các loại hình doanh nghiệp, những vấn đề lý luận về hợp đồng kinh tế; vấn đề ký kết, thực hiện, thay đổi, đình chỉ, thanh lý, xử lý hợp đồng kinh tế vô hiệu, trách nhiệm vật chất trong quan hệ hợp đồng kinh tế, những vấn đề chung về phá sản và những nội dung cơ bản của luật phá sản doanh nghiệp.	2	
45	18011005	Hệ thống thông tin quản lý	Môn học này tập trung vào thiết kế, quản trị và vận hành các hệ thống thông tin, phân tích dữ liệu, kết nối giữa các bên liên quan trong tổ chức, doanh nghiệp với các chuyên gia công nghệ thông tin, cũng như biết các làm thế nào để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và có lợi thế cạnh tranh hơn.	2	
46	18021122	Phân tích báo cáo tài chính	Giúp người học đọc hiểu và biết cách lập cũng như kiểm tra được các số liệu trên báo cáo tài chính doanh nghiệp; Biết cách phân tích được tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các bảng báo cáo tài chính doanh nghiệp; Từ việc phân tích người học sẽ phân tích được rủi ro và dự báo tình hình tài	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			chính cho doanh nghiệp. Có kỹ năng: Sử dụng được các công cụ phân tích trong đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp; Kỹ năng so sánh, phân tích và định hướng được tình hình tài chính doanh nghiệp		
47	18021127	Phân tích định lượng	Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức trong việc sử dụng và thực hiện phân tích tình hình sản xuất kinh doanh bằng các kỹ thuật phân tích định lượng và dự báo. Sinh viên sẽ hiểu được số liệu báo cáo để đánh giá, phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hiểu được kết quả dựa trên nghiên cứu thực nghiệm trong lĩnh vực kinh tế- xã hội. Sau khi học xong môn học sinh viên sẽ hiểu được: Thu thập thông tin, thiết kế một cuộc điều tra khảo sát; Đọc và hiểu số liệu; Hiểu được các nền tảng thống kê và phân tích hồi quy và dự báo.	2	
48	18021008	Phân tích kinh doanh	Học phần này giúp sinh viên thấy được tình hình hoạt động thực tế và kết quả của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các biện pháp hợp lý để kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh bằng các phương pháp nghiên cứu riêng có của mình giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và cho thấy được nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến kết quả. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, thông qua mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối sẽ đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính. Dự báo kinh doanh cung cấp thông tin ra quyết định kinh doanh.	2	
49	18011031	Quản trị chất lượng	Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản, hiện đại về chất lượng (bao gồm sản phẩm, dịch vụ, hoạt động quản lý) và quản lý	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			chất lượng trong các tổ chức. Để thực hiện mục tiêu đó môn học bao gồm những nội dung chủ yếu như: Các quan niệm chất lượng sản phẩm, dịch vụ trong nền kinh tế thị trường hiện đại và ảnh hưởng của chúng đến khả năng thỏa mãn khách hàng. Quá trình phát triển của quản lý chất lượng ; Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ; Cách thức đo lường đánh giá chi phí chất lượng của các công ty góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng mức thỏa mãn khách hàng và giảm các lãng phí không cần thiết; Môi quan hệ giữa chất lượng với năng suất và sức cạnh tranh; Kiểm tra và đánh giá chất lượng ; các công cụ thống kê sử dụng trong quản lý chất lượng; Hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng sản phẩm; Các hệ thống quản lý chất lượng.		
50	18021023	Thanh toán quốc tế	Thanh toán quốc tế là môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về Thị trường hối đoái; Cán cân thanh toán quốc tế và chính sách quản lý ngoại hối; Những điều kiện qui định trong hợp đồng mua bán ngoại thương liên quan đến việc thanh toán ngoại thương; Các phương tiện thanh toán quốc tế thông dụng trong ngoại thương; Các phương thức thanh toán quốc tế	2	
<b>3. Khối kiến thức chuyên ngành</b>					
51	18011057	Đề án chuyên ngành QTKD tổng hợp	Theo quy định của Bộ môn Khoa học Quản lý kinh tế – Khoa Kinh tế TN&MT (có thể điều chỉnh, cập nhật), mỗi sinh viên chọn một đề tài/ chủ đề thuộc nội dung của hoạt động doanh nghiệp để thực hiện. Nội dung đề án chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp phải trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động ở lĩnh vực nghiên cứu trong thời gian 3 năm trở lại đây tại một doanh nghiệp hay tổ chức nào đó, rút ra các thành tựu, hạn chế cũng như nguyên nhân của các hạn chế để đưa ra và trình bày các định hướng cần thiết nhằm cải thiện tình hình ở các lĩnh vực nghiên cứu.	2	
52	18011058	Quản trị kinh doanh	Môn học Quản trị kinh doanh thương mại và dịch vụ nghiên cứu lý luận và thực tiễn về	3	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
		thương mại và dịch vụ	kinh doanh thương mại và dịch vụ trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở các doanh nghiệp thương mại. Nghiên cứu biểu hiện đặc thù của các quy luật kinh tế trong lĩnh vực lưu thông hàng hoá dịch vụ, các phạm trù trong kinh doanh thương mại, các phương thức, phương pháp quản trị doanh nghiệp thương mại và dịch vụ. Nghiên cứu những vấn đề: tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp, các nghiệp vụ, kỹ thuật, nghệ thuật kinh doanh của doanh nghiệp thương mại. Các vấn đề trên được nghiên cứu một cách hệ thống, giúp cho người học lựa chọn phương thức, giải pháp, biện pháp để áp dụng vào hoạt động quản trị một đơn vị kinh doanh thương mại và dịch vụ cụ thể.		
53	18011059	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Người học được cung cấp các kiến thức về: Khái niệm về quản trị sản xuất; Nội dung của quản trị sản xuất. Các nhiệm vụ, yêu cầu của nhà quản trị sản xuất. Quá trình hình thành và xu hướng phát triển của quản trị sản xuất. Các loại quá trình sản xuất. Bên cạnh đó còn giúp người học hiểu những kiến thức cơ bản có tính chất tổng quan về môn học; Hiểu các nội dung chính của toàn bộ chương trình các môn học và nội dung của quản trị sản xuất. Nắm rõ vai trò của quản trị sản xuất trong đời sống và sự phát triển của doanh nghiệp sản xuất.	3	
54	18011060	Quản trị logistics	Quản trị logistics là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hoạt động cung ứng vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý chuỗi logistics trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.	3	
55	18011111	Quản trị văn phòng	Môn học Quản trị văn phòng nghiên cứu lý luận và thực tiễn về các công việc văn phòng như hoạch định, tổ chức, phối hợp, tiêu chuẩn	3	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			hóa và kiểm soát các hoạt động xử lý thông tin. Về cơ bản, môn học có 3 nội dung chính: đại cương về hành chính văn phòng, quản trị hành chính văn phòng một cách khoa học và một số nghiệp vụ hành chính văn phòng như soạn thảo văn bản, tổ chức các cuộc họp, hội nghị, các chuyến công tác, công tác văn thư, lưu trữ, ...		
56	18011121	Hành vi tổ chức	Sau khi học xong môn hành vi tổ chức, học viên sẽ nắm được những vấn đề sau: Giải thích được mô hình hành vi tổ chức với các biến phụ thuộc và biến độc lập. Biết được các yếu tố liên quan đến cấp độ cá nhân như đặc tính tiêu sử, khả năng, tính cách, học tập, nhân thức, giá trị, thái độ, sự hài lòng và đồng cơ đã ảnh hưởng như thế nào đến các hành vi trong tổ chức. Giải thích được những ảnh hưởng của các biến trong cấp độ nhóm như mô hình hành vi nhóm, truyền thông, lãnh đạo, quyền lực và mâu thuẫn đến kết quả công việc và sự hài lòng của nhóm. Nêu lên những tác động của cơ cấu tổ chức và văn hóa tổ chức đến những hành vi mà nhà quản trị quan tâm	3	
57	18011023	Hành vi khách hàng	Học phần hành vi khách hàng chú trọng đến việc nghiên cứu các yếu tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng như thế nào. Cụ thể như các yếu tố thuộc về văn hóa, xã hội, gia đình hay các yếu tố như động cơ, cá tính, cảm xúc, thái độ ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng trong quá trình mua sắm. Nó giúp chúng ta tìm hiểu xem bằng cách nào (how) và tại sao (why) những người tiêu dùng mua (hoặc không mua) các sản phẩm và dịch vụ. Ngoài ra, học phần này đi phân tích sâu vào giai đoạn của quá trình ra quyết định và các yếu tố ảnh hưởng trong từng giai đoạn trong quá trình mua hàng của người tiêu dùng	3	
58	18011061	Quản trị sự đổi mới	Môn học Quản trị sự đổi mới cung cấp những hệ thống kiến thức, hệ thống lý luận về quản trị sự đổi mới hoạch định cho sự đổi mới, tổ chức và điều hành quá trình đổi mới, đánh giá sự đổi mới, các yếu tố để thành công trong	3	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			quản trị sự đổi mới ở doanh nghiệp, nhà quản trị sự đổi mới và quản trị sự đổi mới trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.		
59	18011008	Thương mại điện tử	Môn học Thương mại điện tử nghiên cứu lý luận và thực tiễn về các hoạt động thương mại điện tử trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Mục đích cụ thể đối với người học gồm: Trang bị những kiến thức cơ bản, tổng quan về thương mại điện tử cả về lý thuyết lẫn thực hành; Hiểu được thương mại điện tử là gì, các chiến lược và tiến hành được tổ chức, quản lý như thế nào; Những cơ hội lớn và cả nguy cơ, rủi ro mà các tổ chức sẽ phải đối mặt khi ứng dụng thương mại điện tử; Sử dụng được các công cụ điện tử để tiến hành hoạt động kinh doanh như: nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước, quảng cáo, tìm kiếm đối tác, thực hiện các quy trình giao dịch thương mại điện tử như ký hợp đồng, giao nhận vận tải, thanh toán điện tử...; Hiểu được vai trò, tầm quan trọng và triển vọng của thương mại đối với nền kinh tế quốc dân; Đánh giá được các cơ may, cũng như hiểm họa của thương mại điện tử; Nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng các mô hình thích hợp về thương mại điện tử cho các doanh nghiệp.	2	
60	18021012	Nghịệp vụ ngoại thương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hoạt động ngoại thương như lập phương án kinh doanh ngoại thương, soạn thảo hợp đồng, các hoạt động quảng cáo, phân phối. Sau khi hoàn thành học phần Sinh viên áp dụng được các phương pháp và kỹ thuật để thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu và thông tin kinh doanh trong giải quyết các vấn đề kinh doanh, giải thích được các tình huống kinh doanh, tổng hợp được kinh nghiệm trong kinh doanh. Sinh viên hình thành năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ		
61	18011088	Giao dịch thương mại quốc tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan tới hoạt động thương mại trên thị trường thế giới. Môn học tập trung vào các phương thức tiến hành các giao dịch thương mại trong môi trường quốc tế phức		



TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			tạp với những khác biệt về chính trị, kinh tế, chính sách thương mại, ngôn ngữ và văn hóa... Các giao dịch được tiến hành phù hợp với quy định và tập quán quốc tế dưới nhiều hình thức khác nhau như mua bán trực tiếp, giao dịch qua trung gian, giao dịch tái xuất, mua bán đối lưu, đấu giá, đấu thầu và nhượng quyền thương mại.		
62	18011006	Đạo đức kinh doanh	Học phần Đạo đức giúp người học nắm được những kiến thức về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Rèn luyện kỹ năng phân tích, dự báo, ... và các kỹ năng cần thiết để vận dụng các nhân tố đạo đức và trách nhiệm xã hội vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Phát huy tính chủ động, nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của đạo đức và trách nhiệm xã hội trong hoạt động kinh doanh.	2	
63	18021004	Thuế	Giới thiệu khái quát hoá cơ sở lý luận Thuế và các Luật thuế cơ bản đang được vận hành trong nền kinh tế thị trường Việt Nam. Thuế hiện nay đóng một vai trò hết sức quan trọng và là công cụ trọng yếu của Nhà nước. Bên cạnh việc tạo lập nguồn thu cho NSNN, thuế còn là công cụ điều tiết và quản lý kinh tế vĩ mô, khắc phục những hạn chế của thị trường và tái phân phối thu nhập XH . Chính vì thế, việc trang bị cho sinh viên thuộc khối ngành Quản trị kinh doanh các kiến thức về thuế là hết sức cần thiết .	2	
64	18021034	Phân tích dự án đầu tư	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập dự án (các loại dự án đầu tư, nguồn hình thành vốn đầu tư,... và hệ thống các văn bản pháp luật về dự án đầu tư của Việt Nam). Học phần được bắt đầu từ việc xem xét những vấn đề lý luận chung về đầu tư phát triển, về dự án đầu tư phát triển. Trên cơ sở đó, đi sâu xem xét trình tự và các nội dung cần nghiên cứu trong quá trình soạn thảo dự án đầu tư; xem xét công tác tổ chức soạn thảo dự án; xem xét nội dung, phương pháp phân tích đánh giá các khía cạnh của dự án ở giai đoạn nghiên cứu khả thi: Nghiên cứu điều kiện vĩ mô, nghiên cứu khía cạnh thị trường, nghiên	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			cứu khía cạnh kỹ thuật, nghiên cứu khía cạnh tổ chức quản lý và nhân sự, nghiên cứu khía cạnh tài chính và kinh tế - xã hội		
65	14011009	Công nghệ sản xuất sạch	Học phần Công nghệ sản xuất sạch bao gồm hệ thống tri thức cơ bản về: Những vấn đề chung về sản xuất sạch hơn; Phương pháp và kỹ thuật thực hiện sản xuất sạch hơn; Sử dụng hiệu quả năng lượng trong sản xuất sạch hơn; Đánh giá vòng đời sản phẩm (Life Cycle Assessment); Hướng dẫn thực hiện trường hợp áp dụng sản xuất sạch hơn.	2	
66	18011062	Nghiên cứu Marketing	Chú trọng vào các lý thuyết cơ bản và cách thức thực hành nghiên cứu Marketing, từ việc các định các vấn đề nghiên cứu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, thu thập dữ liệu để chuẩn bị cho việc xử lý phân tích dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu.		
67	18011063	Quản trị truyền thông Marketing tích hợp	Giới thiệu các công cụ, kỹ thuật và phương tiện truyền thông được sử dụng để chiêu thị sản phẩm. Truyền thông marketing tích hợp là một chiến lược phối kết hợp các công cụ truyền thông nhằm gia tăng mức độ tác động đến khách hàng mục tiêu. Người học sẽ được tiếp cận việc phân tích các cơ hội để chiêu thị, phân tích tiến trình truyền thông, thiết lập mục tiêu và ngân sách IMC. Môn học cũng tập trung vào nghiên cứu các chức năng và các thành phần cơ bản của chiêu thị trong các chương trình marketing của doanh nghiệp; các khái niệm và tiến trình thiết lập chiến lược IMC.		
68	18011064	Marketing dịch vụ	Giới thiệu và giúp sinh viên biết được những vấn đề liên quan đến marketing dịch vụ, so sánh sự khác nhau và giống nhau giữa marketing dịch vụ và marketing sản phẩm hữu hình. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn 2 bản về chất lượng dịch vụ, nhận biết các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ, phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ của một doanh nghiệp, vì các doanh nghiệp ngày nay đòi hỏi phải chú trọng đến khả năng làm hài lòng khách hàng, chất lượng dịch vụ, dịch vụ khách hàng...		
69	18011066	Marketing	Cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
		công nghiệp	bản về những nguyên lý marketing nói chung và sự vận dụng chúng vào lĩnh vực công nghiệp như: nghiên cứu và phân tích khách hàng là tổ chức; phân đoạn thị trường và xác định thị trường mục tiêu; xây dựng chính sách marketing trong lĩnh vực công nghiệp: chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến		
70	18011066	Marketing quốc tế	Nhấn mạnh đến việc tìm hiểu các nguyên tắc, qui trình, mô hình, các lý thuyết, khái niệm và các khuôn khổ làm nền tảng cho các học phần chuyên ngành và cho thực hành quản trị hoạt động marketing quốc tế. Học phần marketing quốc tế sẽ cho phép sinh viên đạt được sự hiểu biết rộng rãi về người tiêu dùng và hoạt động marketing của các doanh nghiệp. Học phần marketing quốc tế giúp sinh viên phát triển được kỹ năng thực hành và thái độ tích cực để áp dụng các lý thuyết đã học vào các tình huống thực tế.		
71	18011130	Marketing xanh	Môn học này là giúp cho sinh viên: Làm quen với các khái niệm mới trong Marketing; Nhận thức được tầm quan trọng của Marketing xanh trong hoạt động kinh doanh và trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội; Nắm được những khái niệm căn bản nhất liên quan đến Marketing xanh; Hiểu rõ được sự tương tác giữa tiêu dùng và môi trường.	3	
72	18011027	Quản trị thương hiệu	Cung cấp những nguyên tắc nền tảng về thương hiệu và quản trị thương hiệu. Học phần cho thấy tầm quan trọng của công tác quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp, quá trình quản trị thương hiệu và nội dung của công tác quản trị thương hiệu. bên cạnh đó giúp sv nắm vững những kiến thức về thương hiệu và quản trị thương hiệu, có kỹ năng thiết kế và xây dựng kế hoạch quảng bá thương hiệu.		
73	18011113	Quản trị bán hàng	Học phần đề cập đến những nội dung liên quan đến Quản trị bán hàng: Tổng quan về quản trị bán hàng, Các phương thức bán hàng mới, Hoạch định chức năng bán hàng, Dự báo doanh số tiềm năng, Quản trị các kênh phân phối, Quản trị viên bán hàng, Tuyển dụng –	3	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			Đào tạo – Đãi ngộ, Quản trị thời gian, năng suất và thành quả, Các phương thức bán hàng ra nước ngoài.		
74	18011014	Quản trị rủi ro	Học phần Quản trị rủi ro bao gồm: khái quát những vấn đề cơ bản về rủi ro như: nhận dạng các rủi ro tài chính, các công cụ tài chính phái sinh, các công cụ phái sinh trên thị trường ngoại hối; định giá và quyết định đầu tư trong rủi ro và phòng ngừa rủi ro: quản lý rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro lãi suất, quản lý rủi ro tỷ giá; và liên hệ với thực tiễn quản lý rủi ro tài chính ở Việt Nam. Giới thiệu cho sinh viên biết cấu trúc của một chương trình quản trị rủi ro.	2	
75	18021024	Quản trị chi phí kinh doanh	Cung cấp các kiến thức cơ bản về quản lý chi phí, từ đó người học sẽ nhận biết được tình hình thực tế của những dự án đầu tư, các kế hoạch kinh doanh cũng như thực trạng hoạt động của công ty. Hoàn thành học phần sẽ giúp người học sẽ nhận biết và đề xuất được các phải pháp tài chính nhằm tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp từ đó cải thiện hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận cho công ty.		
<b>4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>					
76	18011037	Thực tập tốt nghiệp	Học phần Thực tập tốt nghiệp nghiên cứu thực tiễn về hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở các doanh nghiệp BĐS. Những vấn đề nghiên cứu cơ bản: công tác tổ chức bộ máy quản lý, sản phẩm – thị trường; công tác lao động – tiền lương; công tác quản lý các nguồn lực vật chất; hoạt động marketing; tình hình tài chính và công tác kế toán...	4	
77	18011038	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần Khóa luận tốt nghiệp nghiên cứu thực tiễn về hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở các doanh nghiệp từ đó đề xuất giải pháp giải quyết những vấn đề tồn tại trong những hoạt động cơ bản tại thực tế doanh nghiệp. Những vấn đề nghiên cứu cơ bản: công tác tổ chức bộ máy quản lý, sản phẩm – thị trường; công tác lao động – tiền lương; công tác quản lý các nguồn lực vật chất; hoạt động marketing; tình hình tài chính và công tác kế toán...	8	

## 8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

### Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	30111002	Giáo dục thể chất 1 (*)	2	0	60	0	0	0	0
2	11131006	Anh Văn 1	3	45	0	0	0	0	0
3	11111008	Toán cao cấp 1	2	45	0	0	0	0	0
4	18011001	Quản trị học	2	30	0	0	0	0	0
5	14011002	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	0	0
6	12121001	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	0	0
7	12111001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	30	0	0	0	0	0
<i>Chọn ít nhất 2 TC trong các HP tự chọn sau:</i>									
8	18011002	Tâm lý học quản trị	2	30	0	0	0	0	0
9	18011053	Tối ưu hóa trong kinh doanh	2	30	0	0	0	0	0
10	18031020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	30	0	0	0	0	0
11	18011054	Văn hoá doanh nghiệp	2	30	0	0	0	0	0
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>	<b>240</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

### Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	20111001	Giáo dục Quốc phòng (*)	8			0	0	0	0
2	30111003	Giáo dục thể chất 2 (*)	3			0	0	0	0
3	11111011	Xác suất thống kê	2	30	0	0	0	0	0
4	11111009	Toán cao cấp 2	2	30	0	0	0	0	0
5	11131002	Anh Văn 2	3	45	0	0	0	0	0
6	12111002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	45	0	0	0	0	0
7	18021001	Kinh tế vi mô	3	45	0	0	0	0	0
8	18021002	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	0	0	0	0
9	18011050	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình căn bản	2	25	10	0	0	0	0
		<b>Tổng cộng</b>	<b>18</b>	<b>265</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

HP có dấu (\*) không tính trong tổng số tín chỉ

### Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	18011095	Marketing căn bản	3	45	0	0	0	0	0
2	18021210	Kinh tế lượng	3	45	0	0	0	0	0
3	18021105	Nguyên lý kế toán	3	45	0	0	0	0	0
4	18011056	Đại cương về lãnh đạo tổ chức	2	30	0	0	0	0	0
5	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	2	25	10	0	0	0	0

6	12111003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0
<i>Chọn ít nhất 4 TC trong các HP tự chọn sau:</i>									
8	18011170	Anh văn chuyên ngành	2	30	0	0	0	0	0
9	18031012	Kinh tế phát triển	2	30	0	0	0	0	0
10	18031021	Kinh tế quốc tế	2	30	0	0	0	0	0
11	18031001	Kinh tế môi trường	2	30	0	0	0	0	0
12	18011018	Thị trường chứng khoán	2	30	0	0	0	0	0
13	12111006	Luật kinh tế	2	30	0	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>			<b>19</b>	<b>280</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Học kỳ 4:**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	12111004	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0
2	18021030	Tài chính - Tiền tệ	3	45	0	0	0	0	0
3	18021021	Kế toán tài chính	3	45	0	0	0	0	0
4	18011087	Đại cương kinh doanh bất động sản	2	30	0	0	0	0	0
5	18011099	Quản trị marketing	3	45	0	0	0	0	0
6	18011098	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	0	0	0	0	0
7	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở	1	5	10	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>			<b>18</b>	<b>260</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Học kỳ 5:**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	18011136	Quản trị tài chính	3	45	0	0	0	0	0
2	18011045	Quản trị dự án	3	45	0	0	0	0	0
3	18011043	Quản trị chiến lược	3	45	0	0	0	0	0
4	18011055	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp	3	45	0	0	0	0	0
5	18021111	Kế toán quản trị	3	45	0	0	0	0	0
<i>Chọn ít nhất 4 TC trong các HP tự chọn sau:</i>									
6	18011005	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0	0	0	0	0
7	18021122	Phân tích báo cáo tài chính	2	30	0	0	0	0	0
8	18021127	Phân tích định lượng	2	30	0	0	0	0	0
9	18021008	Phân tích kinh doanh	2	30	0	0	0	0	0
10	18011031	Quản trị chất lượng	2	30	0	0	0	0	0
11	18021023	Thanh toán quốc tế	2	30	0	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>			<b>19</b>	<b>285</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Học kỳ 6:**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	18011059	Quản trị sản xuất và tác	3	45	0	0	0	0	0

		ngiệp							
2	18011121	Hành vi tổ chức	3	45	0	0	0	0	0
3	18011111	Quản trị văn phòng	3	45	0	0	0	0	0
4	18011023	Hành vi khách hàng	3	45	0	0	0	0	0
	<i>Chọn ít nhất 4 TC trong các HP tự chọn sau:</i>								
5	18011008	Thương mại điện tử	2	30	0	0	0	0	0
6	18021012	Nghiệp vụ ngoại thương	2	30	0	0	0	0	0
7	18011088	Giao dịch thương mại quốc tế	2	30	0	0	0	0	0
8	18011006	Đạo đức kinh doanh	2	30	0	0	0	0	0
9	18021004	Thuế	2	30	0	0	0	0	0
10	18021034	Phân tích dự án đầu tư	2	30	0	0	0	0	0
11	14011050	Công nghệ sản xuất sạch	2	30	0	0	0	0	0
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16</b>	<b>240</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Học kỳ 7:**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	18011057	Đề án chuyên ngành QTKDTH	2	0	0	0	90	0	0
2	18011058	Quản trị kinh doanh thương mại và dịch vụ	3	45	0	0	0	0	0
3	18011060	Quản trị logistics	3	45	0	0	0	0	0
4	18011061	Quản trị sự đổi mới	3	45	0	0	0	0	0
	<i>Chọn ít nhất 6 TC trong các HP tự chọn sau:</i>								
5	18011062	Nghiên cứu Marketing	3	45	0	0	0	0	0
6	18011063	Quản trị truyền thông Marketing tích hợp	3	45	0	0	0	0	0
7	18011064	Marketing dịch vụ	3	45	0	0	0	0	0
8	18011065	Marketing công nghiệp	3	45	0	0	0	0	0
9	18011066	Marketing quốc tế	2	30	0	0	0	0	0
10	18011130	Marketing xanh	3	45	0	0	0	0	0
11	18011027	Quản trị thương hiệu	3	45	0	0	0	0	0
12	18011113	Quản trị bán hàng	3	45	0	0	0	0	0
13	18011014	Quản trị rủi ro	2	30	0	0	0	0	0
14	18021024	Quản trị chi phí kinh doanh	2	30	0	0	0	0	0
		<b>Tổng cộng</b>	<b>17</b>	<b>225</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Học kỳ 8:**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	18011037	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	0	0	180	0
2	18011038	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	0	0	0	0	360
		<b>Tổng cộng</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>180</b>	<b>360</b>

### 9. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình.

Với đội ngũ giảng viên cơ hữu và giáo viên thỉnh giảng có trình độ, có kinh nghiệm giảng dạy, có tâm niệm trong nghề; Các giảng viên cơ hữu hầu hết đều đã tốt nghiệp thạc sĩ và có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công tác.

#### DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Họ và tên giảng viên (Hoặc đơn vị)
1	12111001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	Khoa Luật & LLCT
2	12111002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	Khoa Luật & LLCT
3	12111003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Luật & LLCT
4	12111004	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa Luật & LLCT
5	11131006	Anh văn 1	3	Khoa KHĐC
6	11131002	Anh văn 2	3	Khoa KHĐC
7	11111008	Toán cao cấp 1	2	Khoa KHĐC
8	11111009	Toán cao cấp 2	2	Khoa KHĐC
9	11111011	Xác suất thống kê	2	Khoa KHĐC
10	12121001	Pháp luật đại cương	2	Khoa Luật & LLCT
11	14011002	Môi trường và con người	2	Khoa Môi trường
12	18011050	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình căn bản	1	BM KH Quản lý kinh tế
13	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	1	BM KH Quản lý kinh tế
14	30111002	Giáo dục thể chất 1 (*)	2	BM GDTC & GDQP
15	30111003	Giáo dục thể chất 2 (*)	3	BM GDTC & GDQP
16	20111001	Giáo dục quốc phòng (*)	8	TTGDQP QK7
17	18011002	Tâm lý học quản trị	2	BM KH Quản lý kinh tế
18	18011053	Tối ưu hóa trong kinh doanh	2	BM KH Quản lý kinh tế
19	18031020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	BM KH Quản lý kinh tế
20	18011054	Văn hóa doanh nghiệp	2	BM KH Quản lý kinh tế
21	18021001	Kinh tế vi mô	3	BM Kinh tế
22	18021002	Kinh tế vĩ mô	3	BM Kinh tế
23	18011001	Quản trị học	3	BM KH Quản lý kinh tế
24	18011095	Marketing căn bản	3	BM KH Quản lý kinh tế
25	18021005	Nguyên lý kế toán	3	BM Kinh tế
26	18021210	Kinh tế lượng	3	BM Kinh tế
27	18021020	Tài chính - Tiền tệ	3	BM Kinh tế
28	18011136	Quản trị tài chính	3	BM KH Quản lý kinh tế
29	18011043	Quản trị chiến lược	3	BM KH Quản lý kinh tế
30	18011098	Quản trị nguồn nhân lực	3	BM KH Quản lý kinh tế
31	18011045	Quản trị dự án	3	BM KH Quản lý kinh tế
32	18011099	Quản trị Marketing	3	BM KH Quản lý kinh tế



33	18011055	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp	3	BM KH Quản lý kinh tế
34	18021021	Kế toán tài chính	3	BM Kinh tế
35	18021111	Kế toán quản trị	3	BM Kinh tế
36	18011056	Đại cương về lãnh đạo tổ chức	2	BM KH Quản lý kinh tế
37	18011087	Đại cương về kinh doanh bất động sản	2	BM KH Quản lý kinh tế
38	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở	1	BM KH Quản lý kinh tế
39	18011170	Anh văn chuyên ngành	2	BM KH Quản lý kinh tế
40	18031012	Kinh tế phát triển	2	BM KH Quản lý kinh tế
41	18031021	Kinh tế quốc tế	2	BM KH Quản lý kinh tế
42	18031001	Kinh tế môi trường	2	BM KH Quản lý kinh tế
43	18011018	Thị trường chứng khoán	2	BM KH Quản lý kinh tế
44	12111006	Luật kinh tế	2	Khoa Luật & LLCT
45	18011005	Hệ thống thông tin quản lý	2	BM KH Quản lý kinh tế
46	18021122	Phân tích báo cáo tài chính	2	BM Kinh tế
47	18021127	Phân tích định lượng	2	BM Kinh tế
48	18021008	Phân tích kinh doanh	2	BM Kinh tế
49	18011031	Quản trị chất lượng	2	BM KH Quản lý kinh tế
50	18021023	Thanh toán quốc tế	2	BM Kinh tế
51	18011057	Đề án chuyên ngành QTKD Tổng hợp	2	BM KH Quản lý kinh tế
52	18011058	Quản trị kinh doanh thương mại và dịch vụ	3	BM KH Quản lý kinh tế
53	18011059	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3	BM KH Quản lý kinh tế
54	18011060	Quản trị Logistics	3	BM KH Quản lý kinh tế
55	18011111	Quản trị văn phòng	3	BM KH Quản lý kinh tế
56	18011121	Hành vi tổ chức	3	BM KH Quản lý kinh tế
57	18011023	Hành vi khách hàng	3	BM KH Quản lý kinh tế
58	18011061	Quản trị sự đổi mới	3	BM KH Quản lý kinh tế
59	18011008	Thương mại điện tử	2	BM KH Quản lý kinh tế
60	18021012	Nghiệp vụ ngoại thương	2	BM Kinh tế
61	18011088	Giao dịch thương mại quốc tế	2	BM KH Quản lý kinh tế
62	18011006	Đạo đức kinh doanh	2	BM KH Quản lý kinh tế
63	18021004	Thuế	2	BM Kinh tế
64	18021034	Phân tích dự án đầu tư	2	BM Kinh tế
65	14011009	Công nghệ sản xuất sạch	2	Khoa môi trường
66	18011062	Nghiên cứu Marketing	3	BM KH Quản lý kinh tế
67	18011063	Quản trị truyền thông Marketing tích hợp	3	BM KH Quản lý kinh tế
68	18011064	Marketing dịch vụ	3	BM KH Quản lý kinh tế
69	18011065	Marketing công nghiệp	3	BM KH Quản lý kinh tế
70	18011066	Marketing quốc tế	2	BM KH Quản lý kinh tế
71	18011130	Marketing xanh	3	BM KH Quản lý kinh tế
72	18011027	Quản trị thương hiệu	3	BM KH Quản lý kinh tế
73	18011113	Quản trị bán hàng	3	BM KH Quản lý kinh tế
74	18011014	Quản trị rủi ro	2	BM KH Quản lý kinh tế
75	18021024	Quản trị chi phí kinh doanh	2	BM Kinh tế
76	18011037	Thực tập tốt nghiệp	4	BM KH Quản lý kinh tế
77	18011038	Khóa luận tốt nghiệp	8	BM KH Quản lý kinh tế

1) Chương trình QTKDTH. được xây dựng trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo và nhu cầu nhân lực thực tế, bao gồm 135 tín chỉ.

2) Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

3) Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian trên cơ sở chương trình đào tạo và cây môn học, với sự hướng dẫn của cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

4) Thực tập, kiến tập: Trong khóa học sinh viên được tham quan thực tế các doanh nghiệp, trước khi làm tốt nghiệp sinh viên được đi thực tập thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh.

5) Phương pháp dạy, học: Kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực, tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy và học.

6) Kiểm tra, thi: Tùy theo từng môn học, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do các giáo viên đánh giá, kết thúc môn học sinh viên sẽ được đánh giá thông qua một bài thi hết môn. Kết quả đánh giá là sự kết hợp của cả 2 hình thức: thi kết thúc môn và đánh giá quá trình của các giáo viên giảng dạy môn học.

7) Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8) Trường Khoa Kinh tế TNMT chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Khoa Kinh tế TNMT đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập,...

9) Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật định kỳ theo quy định. Những thay đổi như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá... được xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2018

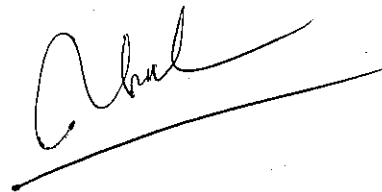


Vũ Xuân Cường

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

  
Lê Hoàng Nghiêm

TRƯỜNG KHOA

  
PGS TS Văn Thị Thảo

1) Chương trình QTKDTH. được xây dựng trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo và nhu cầu nhân lực thực tế, bao gồm 135 tín chỉ.

2) Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

3) Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian trên cơ sở chương trình đào tạo và cây môn học, với sự hướng dẫn của cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

4) Thực tập, kiến tập: Trong khóa học sinh viên được tham quan thực tế các doanh nghiệp, trước khi làm tốt nghiệp sinh viên được đi thực tập thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh.

5) Phương pháp dạy, học: Kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực, tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy và học.

6) Kiểm tra, thi: Tùy theo từng môn học, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do các giáo viên đánh giá, kết thúc môn học sinh viên sẽ được đánh giá thông qua một bài thi hết môn. Kết quả đánh giá là sự kết hợp của cả 2 hình thức: thi kết thúc môn và đánh giá quá trình của các giáo viên giảng dạy môn học.

7) Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8) Trường Khoa Kinh tế TNMT chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Khoa Kinh tế TNMT đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập,...

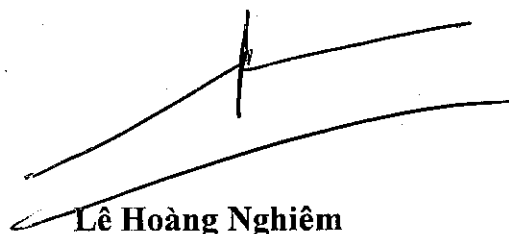
9) Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật định kỳ theo quy định. Những thay đổi như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá... được xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 6 năm 2018



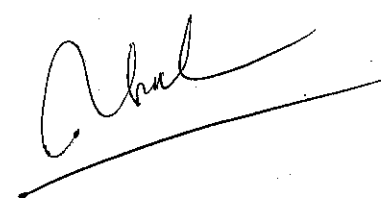
Vũ Xuân Cường

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



Lê Hoàng Nghiêm

TRƯỞNG KHOA



PGS TS Trần Thị Thu Thủy

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 462/QĐ-TDHTPHCM ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)*

TP. Hồ Chí Minh, năm 2018

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHTPHCM ngày tháng năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

### **1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1.1. Mô tả chương trình đào tạo**

##### **1.1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp.

##### **1.1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

1. Tên chương trình: - Tiếng Việt - Tiếng Anh	- Quản trị kinh doanh - Business Administration
2. Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
3. Ngành đào tạo	Quản trị kinh doanh
4. Mã số	7340101
5. Thời gian đào tạo	4 năm
6. Trường cấp bằng	Đại học Tài nguyên & Môi trường TPHCM
7. Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: - Tiếng Việt - Tiếng Anh	- Quản trị kinh doanh - Business Administration
8. Khoa quản lý	Khoa Kinh tế TNMT
9. Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 134 tín chỉ. - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên. - Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường. - Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất.
10. Học tập nâng cao trình độ	Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước
11. Thời điểm cập nhật bản mô tả	06/2018

## **1.2. Chương trình đào tạo tham khảo khi xây dựng**

- Chương trình đào tạo ở nước ngoài;
- CTĐT của Đại học Tài chính – Marketing;

## **1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh theo từng năm.

## **1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ**

## **1.5. Điều kiện tốt nghiệp**

Được thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

## **2. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

#### **2.1.1. Mục tiêu chung:**

Cung cấp cho xã hội những cử nhân quản trị kinh doanh có kiến thức chung về kinh tế - xã hội; kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh; có kỹ năng quản trị doanh nghiệp và kinh doanh; có những kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp, đảm bảo khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. Đồng thời những cử nhân QTKD có thái độ tốt về nghề nghiệp, có đạo đức, phẩm chất tốt, tinh thần trách nhiệm cao để phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

#### **2.1.2. Mục tiêu cụ thể:**

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ Đại học nhằm trang bị cho sinh viên:

- Hệ thống kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật đại cương phù hợp với ngành quản trị kinh doanh.
- Hệ thống các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên phù hợp với ngành quản trị kinh doanh
- Kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và thực hành nghề nghiệp vững chắc, chuyên sâu lĩnh vực quản lý tổ chức, quản trị doanh nghiệp
- Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và làm việc. Kỹ năng sử dụng các phần mềm văn phòng và các phần mềm khác phù hợp với chuyên ngành đào tạo đáp ứng được nhu cầu công việc.
- Đủ năng lực tự khởi nghiệp, là chủ các doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; có tinh thần tự chịu trách nhiệm cá nhân, chịu trách nhiệm trước nhóm trong việc thực hiện

nhiệm vụ chuyên môn. Có khả năng và tinh thần tự học và học tập nâng cao trình độ. Có khả năng đảm nhận các vị trí như chuyên viên, quản lý ở các bộ phận chức năng.

## **2.2. Chuẩn đầu ra:**

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, sinh viên đạt được:

### **Yêu cầu về kiến thức**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đại học ngành Quản trị kinh doanh có kiến thức sau:

Có kiến thức về chính sách pháp luật Việt Nam hiện hành để tiếp thu và thực hiện đúng đắn các chủ trương chính sách của nhà nước trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Kiến thức về Luật doanh nghiệp, Luật thương mại,....

- Có kiến thức cơ bản trng lĩnh vực kinh tế xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo. Kiến thức nền tảng ngành quản trị như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị học, Marketing, Nguyên lý kế toán, Tài chính-tiền tệ,....;

- Có kiến thức cơ bản về toán, và ứng dụng toán học trong quản lý kinh tế và kinh doanh như: xác suất thống kê, toán kinh tế, kinh tế lượng, phân tích hoạt động kinh doanh,....đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

- Có kiến thức chuyên ngành về quản trị nhân sự, quản trị chiến lược, quản trị chất lượng, quản trị marketing, quản trị sản xuất, quản trị tài chính, quản trị dự án, quản trị rủi ro, ....phù hợp thực tế.

- Có thể vận dụng các nghiệp vụ quản lý: tin học quản lý kinh doanh, nghiệp vụ kế toán, khai báo thuế, lập hồ sơ dự án kinh doanh, tín dụng ngân hàng, thẩm định và ra quyết định đầu tư....vào công tác thực tế.

### **Yêu cầu về kỹ năng**

Sau khi tốt nghiệp chương trình cử nhân quản trị kinh doanh, sinh viên có các khả năng sau:

#### **1. Kỹ năng cứng**

- Có khả năng hỗ trợ xây dựng hoặc xây dựng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp ;

- Thống kê, xử lý số liệu kinh doanh, phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động tổ chức và tuyển dụng nhân sự, các hoạt động nghiên cứu thị trường.... của doanh nghiệp và các tổ chức khác. Tham mưu cho lãnh đạo ra quyết định trong các hoạt động này;

- Có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống quản lý chất lượng, dự án đầu tư. Hoạch định chiến lược marketing cho thương hiệu và sản phẩm của doanh nghiệp

- Có khả năng tham gia tổ chức, điều hành và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **2. Kỹ năng mềm**

- Biết cách giải quyết tình huống, vấn đề công tác có cơ sở khoa học, áp dụng vào thực tế và tuân thủ theo quy định của Luật pháp

- Có khả năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, quản lý xây dựng và phát triển đội ngũ và kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thương lượng và giải quyết vấn đề;
- Sinh viên tốt nghiệp ra trường phải đạt được các điều kiện sau:

#### +Tin học

- Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản/nâng cao hoặc tương đương MOS 700 (Word, Excel, Powerpoint).
- Chứng chỉ quốc gia Tin học trình độ B (thời gian học khóa học trước ngày 10/08/2016) hoặc giấy chứng nhận tương đương do trung tâm Ngoại ngữ và Tin học của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường cấp

#### +Tiếng Anh

##### • Đối với sinh viên đại học khóa 01,02,03:

Chứng chỉ quốc gia tiếng Anh trình độ B hoặc tương đương (TOIEC từ 370 điểm trở lên; TOEFL-iBT từ 40 điểm trở lên, IELTS từ 3.75 điểm trở lên, A2 theo chuẩn châu Âu

##### • Đối với sinh viên đại học khóa 04 trở đi

Chứng chỉ tiếng Anh TOIEC 400 điểm trở lên hay tương đương (TOEFL Paper 433, TOEFL IBT 40, IELTS 3.5, B1 Châu Âu;...) hoặc giấy chứng nhận TOIEC nội bộ 400 điểm trở lên do trung tâm Ngoại ngữ và Tin học của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM cấp

#### **Yêu cầu về thái độ**

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân
- Có thái độ, lòng yêu nghề và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn
- Chấp hành nghiêm túc Pháp luật nhà nước và các quy định của tổ chức làm việc
- Có ý thức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm cao, tác phong chuyên nghiệp và tự tin trong công việc
- Năng động, sáng tạo, cầu tiến trong công việc
- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ

### **3. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

#### **3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu**

a) Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy:

Nhằm cung cấp và trang bị cho mỗi sinh viên điều kiện học tập tốt nhất, đạt chuẩn về kiến thức cũng như có thể phát huy hết những tiềm năng của mình, môi trường học tập tại trường được xây dựng một cách toàn diện với cơ sở vật chất gồm có 60 phòng làm việc phục vụ cho các hoạt động quản lý, đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, trường có 86 phòng học, 10 phòng thí nghiệm, 10 phòng (xưởng) thực hành cho các khoa chuyên ngành, 08 phòng học thực hành tin học, 02 phòng học ngoại ngữ, 01 hội trường và 02 thư viện, ... với thiết lập một môi trường tích cực và an toàn để giúp mỗi sinh viên có cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa – giáo dục, hoạt động xã hội một cách sáng tạo và có cơ hội phát triển bản thân một cách toàn diện

b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành:



Trường có các cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo giáo dục, cụ thể 10 phòng thực hành cho các khoa chuyên ngành, 08 phòng học thực hành tin học, 02 phòng học ngoại ngữ, 01 hội trường và 02 thư viện. Tất cả các điều này nhằm tạo cho sinh viên một môi trường học tập, nghiên cứu chuyên nghiệp

c) Thông tin thư viện:

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	02
2	Số chỗ ngồi đọc	150
3	Số máy tính của thư viện	40
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	8.400
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	02

d) Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành

Học phần	Giáo trình	Tham khảo
Đại cương về lãnh đạo tổ chức	Nghệ thuật lãnh đạo - TS.Nguyễn Thanh Hội	Nghệ thuật lãnh đạo - TS.Nguyễn Hữu Lam
Kế toán quản trị	Kế toán quản trị - Đoàn Ngọc Quế, Lê Đình Trục và Đào Tất Thắng	Kế toán quản trị (Managerial accounting) - Ray H. Garrison, Eric W. Noreen, Peter C. Brewer
Marketing xanh	Green Marketing Management - Robert Dahlstrom	The new rules of green marketing - Jacquelyna A. Ottman
Nguyên lý marketing	Nguyên lý tiếp thị - Philip Kotler & Gary Armstrong (Bản dịch)	Marketing căn bản - Tập thể giảng viên Khoa Kinh tế TNTN
Phân tích và dự báo kinh doanh	Phân tích hoạt động kinh doanh - Bùi Văn Trường	Phân tích hoạt động kinh doanh - Nguyễn Thị My, Phan Đức Dũng
Quản trị chiến lược	F. David (2016), Khái luận quản trị chiến lược	1. Barry J. Witcher, Vinh Sum Chau (2014) Strategic management: principles and practice 2. Palgrave Macmillan, (2012) Global strategic management
Quản trị bán hàng	Giáo trình Quản trị bán hàng - Vũ Minh Đức, Vũ Huy Thông	Kỹ năng và Quản trị bán hàng - Lê Đăng Lãng
Quản trị chất lượng	Quản lý chất lượng - Bùi Nguyên Hùng-Nguyễn Thúy Quỳnh Loan	Quản trị chất lượng - GS. TS. Nguyễn Đình Phan
Quản trị dự án	Quản lý dự án - Cao Hào Thi, Nguyễn Thúy Quỳnh Loan	Giáo trình quản lý dự án đầu tư - Từ Quang Phương

Quản trị học	Quản trị học - Tập thể tác giả Trường Đh Kinh tế Tp.HCM	Những vấn đề cốt yếu của quản lý - H. Koontz, C. Odonnell, H. Weirich
Quản trị kinh doanh thương mại và dịch vụ	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại - PGS.TS. Nguyễn Thừa Lộc, PGS.TS. Trần Văn Bảo	Giáo trình Kinh tế thương mại - Đặng Đình Đào, Hoàng Đức Thân
Quản trị nguồn nhân lực	Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực - Trần Kim Dung	Quản trị nguồn nhân lực - Nguyễn Văn Điềm & Nguyễn Ngọc Quân
Quản trị tài chính	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance - Ross, Westerfield và Jaffe	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance - Ross, Westerfield và Jaffe
Tâm lý học quản trị	Tâm lý quản trị - TS.Trương Quang Niệm	Nghệ thuật lãnh đạo - TS.Nguyễn Thanh Hội
Thương mại điện tử	Thương mại điện tử - Nguyễn Văn Hùng	Giáo trình Thương mại điện tử căn bản - Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam VECOM
Quản trị Logistic	Đặng Đình Đào, Trần Văn Bảo, Phạm Cảnh Duy và Đặng Thị Thúy Hồng (2018), Giáo trình quản trị logistics, Nhà xuất bản tài chính Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt (2010), Logistics Những vấn đề cơ bản, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội	1.GS TS NGUYỄN Đặng Đình Đào, PGS TS Tạ Văn Lợi ,TS Nguyễn Minh Sơn ,TS Đặng Thị Thúy Hồng (2019), Dịch vụ Logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế, Nhà xuất bản Dân Trí.
Nguyên lý kế toán	Khoa kế toán Bộ môn Nguyên lý kế toán, 2015, Giáo trình Nguyên lý kế toán, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tái bản lần 5	Võ Văn Nhị, 2014, Nguyên lý kế toán Tóm tắt lý thuyết – Bài tập, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
Kinh tế học vĩ mô	Grygory Mankiw, Kinh tế học vĩ mô	1. Phan Nữ Thanh Thủy, Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, kinh tế vĩ mô, nhà xuất bản Thống kê, 2013. 2. Giáo trình kinh tế học vĩ mô - Bộ Giáo dục và đào tạo
Kinh tế học vi mô	N. Grygory Mankiw, Kinh tế học vi mô	1. TS Lê Bảo Lâm (chủ biên), Kinh tế vi mô (tái bản lần 1), Trường ĐH Kinh tế, NXB Thống kê, Tp.HCM, năm 2005. 2. TS Nguyễn Như Ý, Th.S Trần Thị Bích Dung, Th.S Trần Bá Thọ, TS Nguyễn Hoàng Bảo; kinh tế học vi mô, NXB

### 3.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Họ và tên giảng viên (Hoặc đơn vị)
1	12111001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	Khoa Luật & LLCT
2	12111002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	Khoa Luật & LLCT
3	12111003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Luật & LLCT
4	12111004	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa Luật & LLCT
5	11131006	Anh văn 1	3	Khoa KHĐC
6	11131002	Anh văn 2	3	Khoa KHĐC
7	11111008	Toán cao cấp 1	2	Khoa KHĐC
8	11111009	Toán cao cấp 2	2	Khoa KHĐC
9	11111011	Xác suất thống kê	2	Khoa KHĐC
10	12121001	Pháp luật đại cương	2	Khoa Luật & LLCT
11	14011002	Môi trường và con người	2	Khoa Môi trường
12	18011050	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình căn bản	1	BM KH Quản lý kinh tế
13	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	1	BM KH Quản lý kinh tế
14	30111002	Giáo dục thể chất 1 (*)	2	BM GDTC & GDQP
15	30111003	Giáo dục thể chất 2 (*)	3	BM GDTC & GDQP
16	20111001	Giáo dục quốc phòng (*)	8	TTGDQP QK7
17	18011002	Tâm lý học quản trị	2	BM KH Quản lý kinh tế
18	18011053	Tối ưu hóa trong kinh doanh	2	BM KH Quản lý kinh tế
19	18031020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	BM KH Quản lý kinh tế
20	18011054	Văn hóa doanh nghiệp	2	BM KH Quản lý kinh tế
21	18021001	Kinh tế vi mô	3	BM Kinh tế
22	18021002	Kinh tế vĩ mô	3	BM Kinh tế
23	18011001	Quản trị học	3	BM KH Quản lý kinh tế
24	18011095	Marketing căn bản	3	BM KH Quản lý kinh tế
25	18021005	Nguyên lý kế toán	3	BM Kinh tế
26	18021210	Kinh tế lượng	3	BM Kinh tế
27	18021020	Tài chính - Tiền tệ	3	BM Kinh tế
28	18011136	Quản trị tài chính	3	BM KH Quản lý kinh tế
29	18011043	Quản trị chiến lược	3	BM KH Quản lý kinh tế
30	18011098	Quản trị nguồn nhân lực	3	BM KH Quản lý kinh tế
31	18011045	Quản trị dự án	3	BM KH Quản lý kinh tế
32	18011099	Quản trị Marketing	3	BM KH Quản lý kinh tế
33	18011055	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp	3	BM KH Quản lý kinh tế
34	18021021	Kế toán tài chính	3	BM Kinh tế
35	18021111	Kế toán quản trị	3	BM Kinh tế
36	18011056	Đại cương về lãnh đạo tổ chức	2	BM KH Quản lý kinh tế
37	18011087	Đại cương về kinh doanh bất động sản	2	BM KH Quản lý kinh tế
38	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở	1	BM KH Quản lý kinh tế
39	18011170	Anh văn chuyên ngành	2	BM KH Quản lý kinh tế
40	18031012	Kinh tế phát triển	2	BM KH Quản lý kinh tế
41	18031021	Kinh tế quốc tế	2	BM KH Quản lý kinh tế
42	18031001	Kinh tế môi trường	2	BM KH Quản lý kinh tế
43	18011018	Thị trường chứng khoán	2	BM KH Quản lý kinh tế
44	12111006	Luật kinh tế	2	Khoa Luật & LLCT

45	18011005	Hệ thống thông tin quản lý	2	BM KH Quản lý kinh tế
46	18021122	Phân tích báo cáo tài chính	2	BM Kinh tế
47	18021127	Phân tích định lượng	2	BM Kinh tế
48	18021008	Phân tích kinh doanh	2	BM Kinh tế
49	18011031	Quản trị chất lượng	2	BM KH Quản lý kinh tế
50	18021023	Thanh toán quốc tế	2	BM Kinh tế
51	18011057	Đề án chuyên ngành QTKD Tổng hợp	2	BM KH Quản lý kinh tế
52	18011058	Quản trị kinh doanh thương mại và dịch vụ	3	BM KH Quản lý kinh tế
53	18011059	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3	BM KH Quản lý kinh tế
54	18011060	Quản trị Logistics	3	BM KH Quản lý kinh tế
55	18011111	Quản trị văn phòng	3	BM KH Quản lý kinh tế
56	18011121	Hành vi tổ chức	3	BM KH Quản lý kinh tế
57	18011023	Hành vi khách hàng	3	BM KH Quản lý kinh tế
58	18011061	Quản trị sự đổi mới	3	BM KH Quản lý kinh tế
59	18011008	Thương mại điện tử	2	BM KH Quản lý kinh tế
60	18021012	Nghiệp vụ ngoại thương	2	BM Kinh tế
61	18011088	Giao dịch thương mại quốc tế	2	BM KH Quản lý kinh tế
62	18011006	Đạo đức kinh doanh	2	BM KH Quản lý kinh tế
63	18021004	Thuế	2	BM Kinh tế
64	18021034	Phân tích dự án đầu tư	2	BM Kinh tế
65	14011009	Công nghệ sản xuất sạch	2	Khoa môi trường
66	18011062	Nghiên cứu Marketing	3	BM KH Quản lý kinh tế
67	18011063	Quản trị truyền thông Marketing tích hợp	3	BM KH Quản lý kinh tế
68	18011064	Marketing dịch vụ	3	BM KH Quản lý kinh tế
69	18011065	Marketing công nghiệp	3	BM KH Quản lý kinh tế
70	18011066	Marketing quốc tế	2	BM KH Quản lý kinh tế
71	18011130	Marketing xanh	3	BM KH Quản lý kinh tế
72	18011027	Quản trị thương hiệu	3	BM KH Quản lý kinh tế
73	18011113	Quản trị bán hàng	3	BM KH Quản lý kinh tế
74	18011014	Quản trị rủi ro	2	BM KH Quản lý kinh tế
75	18021024	Quản trị chi phí kinh doanh	2	BM Kinh tế
76	18011037	Thực tập tốt nghiệp	4	BM KH Quản lý kinh tế
77	18011038	Khóa luận tốt nghiệp	8	BM KH Quản lý kinh tế

#### 4. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, HỌC TẬP

Học tập chủ động, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tình huống... nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp, phương châm học tập suốt đời.

##### 4.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên giảng dạy chương trình cử nhân/ kỹ sư cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ các dạng học phần mà mình tham gia giảng dạy (học phần lý thuyết hay thực hành, học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp;

- Nắm rõ các phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học tích hợp, nhóm);

- Hiểu rõ sinh viên trong lớp (sinh viên năm nhất, năm hai, ..., năm cuối);
- Hiểu rõ về các chính sách trong học tập;
- Giảng viên cần chuẩn bị giáo trình, bài giảng, đề cương chi tiết học phần, các slide trình chiếu, lịch trình dạy học, kế hoạch dạy học và thông báo cho sinh viên.

#### **4.2. Các phương pháp giảng dạy - học tập**

Phương pháp giảng dạy - học tập của chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh được thực hiện theo các định hướng sau đây:

a) Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên; tránh áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung bồi dưỡng năng lực tự chủ và tự học để sinh viên có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn tri thức, tiếp tục phát triển các phẩm chất, năng lực sau khi tốt nghiệp.

b) Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn; khuyến khích và tạo điều kiện cho sinh viên được trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động học tập, tìm tòi, khám phá, vận dụng.

c) Vận dụng các phương pháp dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng sinh viên và điều kiện cụ thể. Tùy theo yêu cầu cần đạt, giảng viên có thể sử dụng phối hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau.

Các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại, ...) được sử dụng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên. Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đề cao vai trò chủ thể học tập của sinh viên (dạy học thực hành, dạy học nêu và giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, dạy học theo trải nghiệm, khám phá, dạy học bằng tình huống, ... với những kỹ thuật dạy học phù hợp).

d) Các hình thức tổ chức dạy học được thực hiện một cách đa dạng và linh hoạt; kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở giảng đường, học theo dự án học tập, tự học, ... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học. Coi trọng các nguồn học liệu là giáo trình chính và tài liệu tham khảo thêm đã được giảng viên trang bị; cần khai thác triệt để những lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học trên các phương tiện kho tri thức - đa phương tiện, tăng cường sử dụng các tư liệu điện tử.

#### **4.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học**

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho tốt hơn, và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

- Có nhiều hình thức giúp đỡ hỗ trợ sinh viên yếu trong việc học, đồng thời tăng cường thời gian làm bài tập, thực hành, thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

- Mỗi học kỳ, các bộ môn, khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực giảng dạy của giảng viên.

- Các học phần của chương trình đào tạo đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức, trách nhiệm của giảng viên phụ trách học phần.

## 5. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 5.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối Giáo dục đại cương	30	2
2	Khối kiến thức cơ sở	49	8
3	Khối kiến thức chuyên ngành	23	10
4	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	12	0
Tổng cộng (*)		114	20
		134	

Ghi chú: (\*)Không kê GDTC và GDQP-AN.

#### Mô tả vắn tắt từng khối kiến thức

- Khối kiến thức Giáo dục đại cương: gồm 17 học phần, trong đó có 16 học phần bắt buộc (bao gồm: Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lê nin 1, NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lê nin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật đại cương, Môi trường và con người, Anh văn 1, Anh văn 2, Toán cao cấp 1, Toán cao cấp 2, Xác suất thống kê, Pháp luật đại cương, Môi trường và con người, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình căn bản, kỹ năng tư duy và lập kế hoạch, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh) và 1 học phần tự chọn.

- Khối kiến thức cơ sở gồm 22 học phần trong đó có 18 học phần bắt buộc, 4 học phần tự chọn

- Kiến thức chuyên ngành gồm 12 học phần trong đó có 8 học phần bắt buộc, 4 học phần tự chọn

- Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 1 thực tập tốt nghiệp và 1 khóa luận tốt nghiệp.

### 5.2. Danh sách các học phần trong chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BT L	ĐA	TT	LV	Học kỳ	HP học trước
<b>I. KHỐI GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>			<b>32</b>								
• Các học phần bắt buộc			30								
1	12111001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	30	0	0	0	0	0	1	
2	12111002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	45	0	0	0	0	0	2	12111001
3	12111003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	3	
4	12111004	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	4	
5	11131006	Anh văn 1	3	45	0	0	0	0	0	1	
6	11131002	Anh văn 2	3	45	0	0	0	0	0	2	11131006
7	11111008	Toán cao cấp 1	2	30	0	0	0	0	0	1	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BT L	ĐA	TT	LV	Học kỳ	HP học trước
8	1111009	Toán cao cấp 2	2	30	0	0	0	0	0	2	1111008
9	1111011	Xác suất thống kê	2	30	0	0	0	0	0	2	
10	12121001	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	0	0	1	
11	14011002	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	0	0	1	
12	18011050	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình căn bản	2	30	0	0	0	0	0	2	
13	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	2	30	0	0	0	0	0	3	
14	30111002	Giáo dục thể chất 1 (*)	2							1	
15	30111003	Giáo dục thể chất 2 (*)	3							2	
16	20111001	Giáo dục quốc phòng (*)	8							2	
• Các học phần tự chọn (chọn 2/10)			2								
<i>Chọn ít nhất 2 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</i>											
17	18011002	Tâm lý học quản trị	2	30	0	0	0	0	0	1	
18	18011053	Tối ưu hoá trong kinh doanh	2	30	0	0	0	0	0	1	
19	18031020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	30	0	0	0	0	0	1	
20	18011054	Văn hoá doanh nghiệp	2	30	0	0	0	0	0	1	
<b>II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>			<b>57</b>								
• Các học phần bắt buộc			49								
21	18021001	Kinh tế vi mô	3	45	0	0	0	0	0	2	
22	18021002	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	0	0	0	0	2	
23	18011001	Quản trị học	3	45	0	0	0	0	0	1	
24	18011095	Marketing căn bản	3	45	0	0	0	0	0	3	
25	18021005	Nguyên lý kế toán	3	45	0	0	0	0	0	3	
26	18021210	Kinh tế lượng	3	45	0	0	0	0	0	3	11111011
27	18021020	Tài chính - Tiền tệ	3	45	0	0	0	0	0	4	
28	18011136	Quản trị tài chính	3	45	0	0	0	0	0	5	18011001
29	18011043	Quản trị chiến lược	3	45	0	0	0	0	0	5	18011001
30	18011098	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	0	0	0	0	0	4	18011001
31	18011045	Quản trị dự án	3	45	0	0	0	0	0	5	18011001
32	18011099	Quản trị Marketing	3	45	0	0	0	0	0	4	18011001
33	18011055	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp	3	45	0	0	0	0	0	5	
34	18021021	Kế toán tài chính	3	45	0	0	0	0	0	4	18021005
35	18021111	Kế toán quản trị	3	45	0	0	0	0	0	5	
36	18011056	Đại cương về lãnh đạo tổ chức	2	30	0	0	0	0	0	3	
37	18011087	Đại cương về kinh doanh bất động sản	2	30	0	0	0	0	0	4	
38	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở	1	15	0	0	0	0	0	4	18011050
• Các học phần tự chọn (Chọn 8/24 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau)			8								
Tự chọn 1 (Chọn ít nhất 4 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau)			4								
39	18011170	Anh văn chuyên ngành	2	30	0	0	0	0	0	3	11131007
40	18031012	Kinh tế phát triển	2	30	0	0	0	0	0	3	
41	18031021	Kinh tế quốc tế	2	30	0	0	0	0	0	3	
42	18031001	Kinh tế môi trường	2	30	0	0	0	0	0	3	
43	18011018	Thị trường chứng khoán	2	30	0	0	0	0	0	3	
44	12111006	Luật kinh tế	2	30	0	0	0	0	0	3	12111005
Tự chọn 2 (Chọn ít nhất 4 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau)			4								

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BT/L	ĐA	TT	LV	Học kỳ	HP học trước
45	18011005	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0	0	0	0	0	5	
46	18021122	Phân tích báo cáo tài chính	2	30	0	0	0	0	0	5	
47	18021127	Phân tích định lượng	2	30	0	0	0	0	0	5	
48	18021008	Phân tích kinh doanh	2	30	0	0	0	0	0	5	
49	18011031	Quản trị chất lượng	2	30	0	0	0	0	0	5	18011001
50	18021023	Thanh toán quốc tế	2	30	0	0	0	0	0	5	
<b>III. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>33</b>								
<b>• Các học phần bắt buộc</b>			<b>23</b>								
51	18011057	Đề án chuyên ngành QTKD Tổng hợp	2	0	0	0	90	0	0	7	
52	18011058	Quản trị kinh doanh thương mại và dịch vụ	3	45	0	0	0	0	0	7	18011001
53	18011059	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3	45	0	0	0	0	0	6	18011001
54	18011060	Quản trị Logistics	3	45	0	0	0	0	0	7	18011001
55	18011011	Quản trị văn phòng 18011111	3	45	0	0	0	0	0	6	18011001
56	18011121	Hành vi tổ chức	3	45	0	0	0	0	0	6	
57	18011023	Hành vi khách hàng	3	45	0	0	0	0	0	6	
58	18011061	Quản trị sự đổi mới	3	45	0	0	0	0	0	7	18011001
<b>• Các học phần tự chọn (chọn 10/41)</b>			<b>10</b>								
<b>Chọn ít nhất 10 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</b>											
	Tự chọn 1 (Chọn ít nhất 4 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau)		4								
59	18011008	Thương mại điện tử	2	30	0	0	0	0	0	6	
60	18021012	Nghiệp vụ ngoại thương	2	30	0	0	0	0	0	6	
61	18011088	Giao dịch thương mại quốc tế	2	30	0	0	0	0	0	6	
62	18011006	Đạo đức kinh doanh	2	30	0	0	0	0	0	6	
63	18021004	Thuế	2	30	0	0	0	0	0	6	
64	18021034	Phân tích dự án đầu tư	2	30	0	0	0	0	0	6	
65	14011009	Công nghệ sản xuất sạch	2	30	0	0	0	0	0	6	
	Tự chọn 2 (Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau)		6								
66	18011062	Nghiên cứu Marketing	3	45	0	0	0	0	0	7	18011003
67	18011063	Quản trị truyền thông Marketing tích hợp	3	45	0	0	0	0	0	7	18011003
68	18011064	Marketing dịch vụ	3	45	0	0	0	0	0	7	18011003
69	18011065	Marketing công nghiệp	3	45	0	0	0	0	0	7	18011003
70	18011066	Marketing quốc tế	2	30	0	0	0	0	0	7	18011003
71	18011130	Marketing xanh	3	45	0	0	0	0	0	7	18011003
72	18011027	Quản trị thương hiệu	3	45	0	0	0	0	0	7	18011001
73	18011113	Quản trị bán hàng	3	45	0	0	0	0	0	7	
74	18011014	Quản trị rủi ro	2	30	0	0	0	0	0	7	
75	18021024	Quản trị chi phí kinh doanh	2	30	0	0	0	0	0	7	18011001
<b>IV. THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP</b>			<b>12</b>								
76	18011037	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	0	0	180	0	8	
77	18011038	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	0	0	0	0	360	8	



**5.3. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ theo học kỳ									
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9	HK10
1	11131006	Anh văn 1	3									
2	14011002	Môi trường và con người	2									
3	12111001	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lê nin 1	2									
4	12111005	Pháp luật đại cương	2									
5	18011001	Quản trị học	2									
6	11111008	Toán cao cấp 1	2									
7	30111002	Giáo dục thể chất 1	2									
8	20111001	Giáo dục quốc phòng		8								
9	30111003	Giáo dục thể chất 2		3								
10	18021001	Kinh tế vi mô		3								
11	18021002	Kinh tế vĩ mô		3								
12	18011050	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình căn bản		2								
13	12111002	NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lê nin 2		3								
14	11111009	Toán cao cấp 2		2								
15	11111011	Xác suất thống kê		2								
16	18011002	Tâm lý học quản trị		2								
17	11131002	Anh văn 2		3								
18	18011056	Đại cương về lãnh đạo tổ chức			2							
19	18011018	Thị trường chứng khoán			2							
20	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch			2							
21	18021210	Kinh tế lượng			3							
22	18011095	Marketing căn bản			3							
23	18021105	Nguyên lý kế toán			3							
24	11131004	Anh văn			2							

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ theo học kỳ											
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9	HK10		
		chuyên ngành												
25	12111003	Tư tưởng Hồ Chí Minh			2									
26	18011087	Đại cương kinh doanh bất động sản				2								
27	12111004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam				3								
28	18021021	Kế toán tài chính				3								
29	18011099	Quản trị marketing				3								
30	18011098	Quản trị nguồn nhân lực				3								
31	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở				1								
32	18021030	Tài chính - Tiền tệ				3								
33	18011005	Hệ thống thông tin quản lý					2							
34	18021111	Kế toán quản trị					3							
35	18011055	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp					3							
36	18021008	Phân tích kinh doanh					2							
37	18011043	Quản trị chiến lược					3							
38	18011045	Quản trị dự án					3							
39	18011136	Quản trị tài chính					3							
40	180111023	Hành vi khách hàng						3						
41	180111121	Hành vi tổ chức						3						
42	180111006	Đạo đức kinh doanh						2						
43	180111059	Quản trị sản xuất và tác nghiệp						3						
44	180111111	Quản trị văn phòng						3						
45	180111008	Thương mại điện tử						2						
46	180111130	Marketing xanh							3					

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ theo học kỳ										
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9	HK10	
47	180111113	Quản trị bán hàng								3			
48	180111058	Quản trị kinh doanh thương mại và dịch vụ								3			
49	180111060	Quản trị logistics								3			
50	180111061	Quản trị sự đổi mới								3			
51	180111057	Đề án chuyên ngành QTKD tổng hợp								2			
52	18011037	Thực tập tốt nghiệp									4		
53	18011038	Khóa luận tốt nghiệp									8		
54	31001001	Ngoại ngữ chuẩn đầu ra									1		
55	31001002	Tin học chuẩn đầu ra									1		
<b>Tổng số tín chỉ (*)</b>			<b>15</b>	<b>17</b>	<b>19</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>14</b>			

*Ghi chú:* (\*) Không kể GDTC và GDQP-AN.

**5.6. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo**  
(Về sơ đồ mô tả cấu trúc chương trình đào tạo)

HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
<p>Anh văn 1 → Anh văn 2</p> <p>Môi trường và con người</p> <p>NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lê nìn 2</p> <p>Kinh tế vi mô</p> <p>Pháp luật đại cương</p> <p>Quản trị học</p> <p>Toán cao cấp 1 → Toán cao cấp 2</p> <p>Giáo dục thể chất (*)</p>	<p>Đại cương về lãnh đạo tổ chức</p> <p>Thị trường chứng khoán</p> <p>Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch</p> <p>Kinh tế lượng</p> <p>Marketing căn bản</p> <p>Nguyên lý kế toán</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>Giáo dục quốc phòng an ninh (*)</p> <p>Giáo dục thể chất (*)</p>	<p>Đại cương kinh doanh BDS</p> <p>Kế toán tài chính</p> <p>Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam</p> <p>Quản trị marketing</p> <p>Quản trị nguồn nhân lực</p> <p>Kỹ năng giao tiếp công sở</p> <p>Tài chính - Tiền tệ</p>	<p>Kế toán quản trị</p> <p>Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp</p> <p>Phân tích kinh doanh</p> <p>Quản trị chiến lược</p> <p>Quản trị dự án</p> <p>Quản trị tài chính</p>	<p>Hành vi khách hàng</p> <p>Hành vi tổ chức</p> <p>Đạo đức kinh doanh</p> <p>Quản trị sản xuất và tác nghiệp</p> <p>Quản trị văn phòng</p> <p>Thương mại điện tử</p>	<p>Quản trị bán hàng</p> <p>Quản trị kinh doanh TM&amp;DV</p> <p>Quản trị logistics</p> <p>Quản trị sự đổi mới</p> <p>Đề án chuyên ngành QTKD tổng hợp</p>	<p>Nghiên cứu Marketing</p> <p>Quản trị TT</p> <p>Marketing tích hợp</p> <p>Marketing dịch vụ</p> <p>Marketing CN</p> <p>Marketing quốc tế</p> <p>Marketing xanh</p> <p>Quản trị thương hiệu</p> <p>Quản trị bán hàng</p> <p>Quản trị rủi ro</p> <p>Quản trị chi phí kinh doanh</p>	<p>Thực tập tốt nghiệp</p> <p>Khóa luận tốt nghiệp</p>
<p>Tâm lý học quản trị doanh nghiệp</p> <p>Tối ưu hoá trong kinh tế</p> <p>Nguyên lý thống kê kinh tế</p> <p>Văn hoá doanh nghiệp</p>	<p>Ảnh văn chuyên ngành</p> <p>Kinh tế phát triển</p> <p>Kinh tế quốc tế</p> <p>Kinh tế môi trường</p> <p>Thị trường chứng khoán</p> <p>Luật kinh tế</p>	<p>Hệ thống thông tin quản lý</p> <p>Phân tích báo cáo tài chính</p> <p>Phân tích định lượng</p> <p>Phân tích kinh doanh</p> <p>Quản trị chất lượng</p> <p>Thanh toán quốc tế</p>	<p>Thương mại điện tử</p> <p>Nghiệp vụ ngoại thương</p> <p>Giao dịch thương mại quốc tế</p> <p>Đạo đức kinh doanh</p> <p>Thuế</p> <p>Phân tích dự án đầu tư</p> <p>Công nghệ sản xuất sạch</p>				

**5.7. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần**

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>1. Khối giáo dục đại cương</b>					
1	12111001	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lê nin 1	- Nội dung học phần: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	2	
2	12111002	NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lê nin 2	- Nội dung học phần: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	3	
3	12111401 3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	2	
4	12111004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Nội dung học phần: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	3	
5	11131400 6	Anh văn 1	Thông qua 7 đơn vị bài học cung cấp cho sinh viên một số lượng từ vựng phong phú về các chủ điểm giáo dục, công việc, thư tín, hợp đồng, .... Về cú pháp cung cấp cho sinh viên cách sử dụng các loại từ loại trong tiếng Anh, câu ra lệnh, lời đề nghị, thông báo.	3	
6	11131002	Anh văn 2	Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình Tiếng Anh 7 năm ở bậc trung học	3	
7	11111400 8	Toán cao cấp 1	Trang bị cho sinh viên các khái niệm về tập hợp, ánh xạ, quan hệ và quan hệ thứ tự. Sinh viên nắm được các kiến thức về định thức, ma trận và lý thuyết hệ phương trình tuyến tính. Trang bị cho sinh viên khái	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			niệm về không gian vector, hệ độc lập tuyến tính, cơ sở và số chiều không gian, ánh xạ tuyến tính và ma trận của nó, phép biến đổi tuyến tính, vector riêng và giá trị riêng. Nắm vững đường cong bậc hai và mặt bậc hai của hình học giải tích.		
8	11111009	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ số học n chiều; ma trận và định thức; hệ phương trình tuyến tính; dạng toàn phương; hàm số và giới hạn; phép vi phân đối với hàm số một biến số; hàm nhiều biến và hàm ẩn; các bài toán cực trị; phép tính tích phân; phương trình vi phân; phương trình sai phân.	2	
9	11111401 1	Xác suất thống kê	Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung Phân lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Phân thống kê toán bao gồm: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.	2	
10	12111401 5	Pháp luật đại cương	Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			văn bản quy phạm pháp luật; nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự.		
11	14011002	Môi trường và con người	Được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về con người và sự phát triển của con người, các khái niệm sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, sự tương tác giữa con người và môi trường, vai trò của con người trong cách tiếp cận bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể giải thích được nguyên nhân chính gây nên các vấn đề môi trường, đồng thời cũng tự đưa ra được các biện pháp và hành vi tương thích để bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững.	2	
12	18011050	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình căn bản	Đây là môn học trang bị kiến thức giúp cho học viên có được kiến thức và kỹ năng cơ bản về giao tiếp trong môi trường kinh doanh năng động và toàn cầu hóa, nắm được bản chất và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh.	2	
13	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	Đây là môn học trang bị kiến thức giúp cho học viên có được kiến thức và kỹ năng cơ bản về giao tiếp trong môi trường kinh doanh năng động và toàn cầu hóa, nắm được bản chất và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh.	2	
14	30111400 2	Giáo dục thể chất 1	Phần 1: Thực hiện 90 tiết, ứng với 3 học phần: Điền kinh, bóng rổ và cầu lông, hoàn thành chương trình trong 3 học kỳ I, II và III.	2	
15	30111400 3	Giáo dục thể chất 2	Phần 2: Thực hiện 90 tiết, ứng với 3 học phần: Điền kinh, bóng rổ và cầu lông, hoàn thành chương trình trong 3 học kỳ I, II và III.	3	
16	20111400 1	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân	8	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.		
17	18011002	Tâm lý học quản trị	Môn học Quản trị sự đổi mới cung cấp những hệ thống kiến thức, hệ thống lý luận về quản trị sự đổi mới hoạch định cho sự đổi mới, tổ chức và điều hành quá trình đổi mới, đánh giá sự đổi mới, các yếu tố để thành công trong quản trị sự đổi mới ở doanh nghiệp, nhà quản trị sự đổi mới và quản trị sự đổi mới trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2	
18	18011053	Tối ưu hóa trong kinh doanh	Trình bày những phương pháp tối ưu tiêu biểu, có nhiều ứng dụng để hỗ trợ các nhà quản trị ra quyết định trong kinh doanh. Học phần tập trung vào việc sử dụng bài toán tối ưu để mô hình hoá các vấn đề từ thực tiễn kinh doanh, thuật toán giải các bài toán tối ưu điển hình và việc sử dụng kết quả từ lời giải bài toán tối ưu để hỗ trợ việc ra quyết định kinh doanh.	2	
19	18031020	Nguyên lý thống kê kinh tế	Trang bị cho sinh viên các vấn đề về lý thuyết, chuẩn bị cho những tiết thực hành trên máy tính có hiệu quả, là cơ sở quan trọng cho người học tiếp cận các môn học chuyên ngành kinh tế. Trang bị cho sinh viên khả năng ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh với các ví dụ gần gũi với thực tế.	2	
20	18011054	Văn hóa doanh nghiệp	Trang bị những kiến thức chung về văn hóa doanh nghiệp và những kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng, và phát triển các kiến thức về văn hóa kinh doanh trong hoạt động kinh tế nói chung và trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Môn học cũng trang bị những kiến thức và kinh nghiệm thực tế về phương	2	



TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			pháp xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp và tạo lập bản sắc văn hoá (thương hiệu) cho một tổ chức hay doanh nghiệp.		
<b>2. Khối kiến thức cơ sở</b>					
21	18021400 1	Kinh tế vi mô	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.	3	
22	18021400 2	Kinh tế vĩ mô	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.	3	
23	18011001	Quản trị học	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị; nhà quản trị; môi trường quản trị; các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/điều hành và kiểm tra/kiểm soát. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị sự rủi ro và cơ hội của một	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			doanh nghiệp.		
24	18011095	Marketing căn bản	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý marketing và sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing; Môi trường marketing và thị trường của các doanh nghiệp; nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường, gồm: các chiến lược thị trường, các chính sách marketing căn bản và tổ chức quản trị marketing của doanh nghiệp.	3	
25	18021410 5	Nguyên lý kế toán	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung và việc vận dụng chúng vào doanh nghiệp: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán và lập các báo cáo kế toán tài chính, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.	3	
26	18021210	Kinh tế lượng	Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.	3	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
27	18021210	Kinh tế lượng	Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.	3	
28	18021030	Tài chính - Tiền tệ	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: Khái quát về tài chính, tiền tệ, tín dụng; lãi suất tín dụng, ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương; khái quát thị trường tài chính tài chính doanh nghiệp; ngân sách nhà nước; lạm phát tiền tệ,..	3	
29	18011136	Quản trị tài chính	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm: quản lý thu chi, phân tích và dự báo tài chính, quản lý đầu tư dài hạn, quản lý tài sản dài hạn, quản lý nguồn vốn, chi phí vốn,..	3	
30	18011043	Quản trị chiến lược	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.	3	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
31	18011098	Quản trị nguồn nhân lực	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thù lao và các phúc lợi cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.	3	
32	18011045	Quản trị dự án	Môn Quản lý dự án đầu tư trang bị cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản về quản lý dự án, bao gồm các nội dung: Lý thuyết cơ bản và hiện đại về dự án và quản lý dự án đầu tư phát triển; Các mô hình tổ chức QLDA trong nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng; Nội dung chủ yếu của QLDA (Quản lý thời gian, quản lý chi phí, quản lý nhân sự dự án, Phân phối nguồn lực dự án, quản lý chất lượng dự án, đánh giá và giám sát dự án...); Thực hành công tác QLDA trên cơ sở các bài tập tình huống do các nhà quản lý dự án chuyên nghiệp xây dựng	3	
33	18011099	Quản trị marketing	Nội dung môn học tập trung nghiên cứu quá trình quản trị marketing bao gồm: kế hoạch hoá, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và điều kiện các hoạt động marketing của một tổ chức (doanh nghiệp). Những nội dung xây dựng chiến lược và kế hoạch marketing được tập trung phân tích theo quy trình xây dựng kế hoạch từ phân tích cơ hội kinh doanh đến phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, xác lập các định hướng chiến lược, xây dựng kế hoạch hành động, phân tích tài chính. Môn học cũng tập trung vào kỹ năng phát triển các nhóm công cụ và biện pháp marketing và phối hợp các nhóm công cụ marketing trên thị trường theo những kịch bản khác nhau. Môn học cũng giới thiệu các kiểu loại chiến lược marketing điển hình và các hình thức tổ chức bộ phận	3	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			quản lý marketing. Sinh viên sau khi hoàn thành môn học sẽ có kỹ năng phân tích và truyền thông của một nhà quản trị marketing, có khả năng tổ chức và quản lý hoạt động marketing của một tổ chức (doanh nghiệp) trong thực tế.		
34	18011055	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp	Học phần trang bị những nội dung về: nhận thức kinh doanh, ý tưởng kinh doanh, đánh giá ý tưởng kinh doanh; những vấn đề về nghiên cứu thị trường, về marketing trong khởi sự doanh nghiệp; lập kế hoạch kinh doanh, cách thức đánh giá một bản kế hoạch kinh doanh; vấn đề vốn trong khởi sự kinh doanh; lựa chọn mô hình doanh nghiệp – những vấn đề pháp lý trong khởi sự kinh doanh; tìm kiếm cộng sự; hệ thống, luật pháp, những quy định về thành lập và hoạt động doanh nghiệp,... Mục tiêu, sinh viên sẽ nắm rõ những kiến thức căn bản nhất để bắt đầu dự án của mình, đồng thời, hiểu rõ những bước đi cần thiết, những nguồn lực cần chuẩn bị, xây dựng bản Kế hoạch kinh doanh cho chính dự án của cá nhân mình, những cột mốc cần vượt qua để có thể thành lập và đưa doanh nghiệp vào hoạt động.	3	
35	18021021	Kế toán tài chính	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung và việc vận dụng chúng vào doanh nghiệp: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán và lập các báo cáo kế toán tài chính, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán	3	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
36	18021111	Kế toán quản trị	Học phần này cung cấp cho người đọc những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị bao dưới hình thức nội dung lý thuyết, thiết kế thành các công thức tính toán, những ví dụ minh họa cụ thể để người đọc có thể hiểu, vận dụng vào thực tiễn trong công tác quản trị tại các doanh nghiệp cũng như các tổ chức kinh tế nói chung.	3	
37	18011056	Đại cương về lãnh đạo tổ chức	Giúp cho người học có kiến thức căn bản về lãnh đạo, trang bị cho người học các công cụ và kỹ năng lãnh đạo từ căn bản đến cao cấp, nhằm giải quyết những tình huống cũng như thành công trong công tác lãnh đạo sau này. Học phần lãnh đạo sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng từ một số mô hình và nghiên cứu khác nhau, để rồi nhận biết tổ chức và nâng cao kỹ năng lãnh đạo trong mỗi cá nhân. Bởi một lãnh đạo không tự nhiên được sinh ra mà quá trình trao đổi, rèn luyện tôi tạo nên. (Vince Lombardi).	2	
38	18011087	Đại cương kinh doanh bất động sản	Học phần này trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về quản trị kinh doanh bất động sản và quản lý nhà nước về đất đai và thị trường bất động sản. Cụ thể như sau: Thị trường bất động sản: Là thị trường mua, bán, thuê, cho thuê nhà đất. Bao gồm người mua, người bán các nhà đầu tư, những nhà môi giới và các chuyên viên bất động sản. Cung bất động sản: là lượng nhà đất cần bán cho thuê trên thị trường. Cầu bất động sản: là lượng nhu cầu cần mua thuê nhà đất tại một thời điểm nào đó trên thị trường. Dịch vụ bất động sản: bao gồm các loại dịch vụ hỗ trợ cho việc mua bán, thuê nhà đất như môi giới, dịch vụ cung cấp thông tin, thẩm định giá, dịch vụ pháp lý. Giá bất động sản: trên thị trường tồn tại song song hai loại giá bất động sản. Giá nhà nước, giá thị trường: được hình thành theo biến động của thị trường, dựa trên quy luật cung cầu, quy	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			luật giá trị ... và các yếu tố quản lý của nhà nước. Giá thị trường là sự thỏa thuận mua bán của người mua, người bán về giá trị.		
39	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở	Nội dung chính của học phần là cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp trong kinh doanh, đồng thời sử dụng phương pháp thực hành và giải quyết bài tập tình huống để trang bị cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp trong môi trường kinh doanh. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên có cái nhìn khái quát hơn về môi trường giao tiếp công sở của các nước tiên tiến trên thế giới nhằm giúp họ đạt hiệu quả cao trong quá trình thuyết phục và đàm phán với đối tác	1	
40	11131004	Anh văn chuyên ngành	Học phần giúp sinh viên đọc hiểu những bài viết, thuật ngữ chuyên ngành quản trị kinh doanh và ôn tập kiến thức Anh văn để giao tiếp trong môi trường sử dụng tiếng Anh.	2	
41	18011012	Kinh tế phát triển	Nghiên cứu các nguyên lý phát triển kinh tế trong điều kiện các nước đang phát triển. Cung cấp cho người học những cơ sở lý luận cũng như thực tiễn cho việc tìm ra con đường hợp lý nhất để tăng trưởng kinh tế, cải thiện và nâng cao mức sống và đảm bảo sự tiến bộ cho mọi người ở mỗi quốc gia đang phát triển.	2	
42	18031001	Kinh tế môi trường	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để sinh viên hiểu được cơ sở của các hoạt động kinh tế quốc tế, bao gồm các hoạt động thương mại quốc tế và sự phân chia lợi ích giữa các quốc gia khi tham gia các hoạt động kinh tế quốc tế. Đồng thời, môn học cũng cung cấp các kiến thức cơ bản về sự hình thành và vận động của thị trường quốc tế, mối liên hệ giữa lợi ích có được từ thương mại quốc tế với các mô hình tăng trưởng trong điều kiện hội nhập.	2	
43	18011018	Thị trường chứng	Hiểu được các khái niệm cơ bản về thị	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
		khoán	trường chứng khoán; vị trí, vai trò của thị trường chứng khoán trong cấu trúc thị trường tài chính. Phân biệt được các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán. Phân tích được xu hướng phát triển của thị trường chứng khoán trong thời gian tới		
44	12111006	Luật Kinh tế	Cung cấp kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế, pháp luật về các loại hình doanh nghiệp, những vấn đề lý luận về hợp đồng kinh tế; vấn đề ký kết, thực hiện, thay đổi, đình chỉ, thanh lý, xử lý hợp đồng kinh tế vô hiệu, trách nhiệm vật chất trong quan hệ hợp đồng kinh tế, những vấn đề chung về phá sản và những nội dung cơ bản của luật phá sản doanh nghiệp.	2	
45	18011005	Hệ thống thông tin quản lý	Môn học này tập trung vào thiết kế, quản trị và vận hành các hệ thống thông tin, phân tích dữ liệu, kết nối giữa các bên liên quan trong tổ chức, doanh nghiệp với các chuyên gia công nghệ thông tin, cũng như biết các làm thế nào để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và có lợi thế cạnh tranh hơn.	2	
46	18021122	Phân tích báo cáo tài chính	Giúp người học đọc hiểu và biết cách lập cũng như kiểm tra được các số liệu trên báo cáo tài chính doanh nghiệp; Biết cách phân tích được tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các bảng báo cáo tài chính doanh nghiệp; Từ việc phân tích người học sẽ phân tích được rủi ro và dự báo tình hình tài chính cho doanh nghiệp. Có kỹ năng: Sử dụng được các công cụ phân tích trong đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp; Kỹ năng so sánh, phân tích và định hướng được tình hình tài chính doanh nghiệp		
47	18021127	Phân tích định lượng	Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức trong việc sử dụng và thực hiện phân tích tình hình sản xuất kinh doanh bằng các kỹ thuật phân tích định lượng và dự báo. Sinh viên sẽ hiểu được số liệu báo cáo để đánh giá, phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh		



TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			doanh của doanh nghiệp và hiểu được kết quả dựa trên nghiên cứu thực nghiệm trong lĩnh vực kinh tế- xã hội. Sau khi học xong môn học sinh viên sẽ hiểu được: Thu thập thông tin, thiết kế một cuộc điều tra khảo sát; Đọc và hiểu số liệu; Hiểu được các nền tảng thống kê và phân tích hồi quy và dự báo.		
48	18021008	Phân tích kinh doanh	Học phần này giúp sinh viên thấy được tình hình hoạt động thực tế và kết quả của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các biện pháp hợp lý để kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh bằng các phương pháp nghiên cứu riêng có của mình giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và cho thấy được nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến kết quả. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, thông qua mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối sẽ đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính. Dự báo kinh doanh cung cấp thông tin ra quyết định kinh doanh.	2	
49	18011031	Quản trị chất lượng	Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản, hiện đại về chất lượng (bao gồm sản phẩm, dịch vụ, hoạt động quản lý) và quản lý chất lượng trong các tổ chức. Để thực hiện mục tiêu đó môn học bao gồm những nội dung chủ yếu như: Các quan niệm chất lượng sản phẩm, dịch vụ trong nền kinh tế thị trường hiện đại và ảnh hưởng của chúng đến khả năng thỏa mãn	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			khách hàng. Quá trình phát triển của quản lý chất lượng ; Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ; Cách thức đo lường đánh giá chi phí chất lượng của các công ty góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng mức thỏa mãn khách hàng và giảm các lãng phí không cần thiết; Mối quan hệ giữa chất lượng với năng suất và sức cạnh tranh; Kiểm tra và đánh giá chất lượng ; các công cụ thống kê sử dụng trong quản lý chất lượng; Hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng sản phẩm; Các hệ thống quản lý chất lượng.		
50	18021023	Thanh toán quốc tế	Thanh toán quốc tế là môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về Thị trường hối đoái; Cán cân thanh toán quốc tế và chính sách quản lý ngoại hối; Những điều kiện qui định trong hợp đồng mua bán ngoại thương liên quan đến việc thanh toán ngoại thương; Các phương tiện thanh toán quốc tế thông dụng trong ngoại thương; Các phương thức thanh toán quốc tế	2	
<b>3. Khối kiến thức chuyên ngành</b>					
51	180111057	Đề án chuyên ngành QTKD tổng hợp	Theo quy định của Bộ môn Khoa học Quản lý kinh tế – Khoa Kinh tế TN&MT (có thể điều chỉnh, cập nhật), mỗi sinh viên chọn một đề tài/ chủ đề thuộc nội dung của hoạt động doanh nghiệp để thực hiện. Nội dung đề án chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp phải trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động ở lĩnh vực nghiên cứu trong thời gian 3 năm trở lại đây tại một doanh nghiệp hay tổ chức nào đó, rút ra các thành tựu, hạn chế cũng như nguyên nhân của các hạn chế để đưa ra và trình bày các định hướng cần thiết nhằm cải thiện tình hình ở các lĩnh vực nghiên cứu.	2	
52	18011058	Quản trị kinh doanh thương mại	Môn học Quản trị kinh doanh thương mại và dịch vụ nghiên cứu lý luận và thực tiễn	3	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
		và dịch vụ	về kinh doanh thương mại và dịch vụ trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở các doanh nghiệp thương mại. Nghiên cứu biểu hiện đặc thù của các quy luật kinh tế trong lĩnh vực lưu thông hàng hoá dịch vụ, các phạm trù trong kinh doanh thương mại, các phương thức, phương pháp quản trị doanh nghiệp thương mại và dịch vụ. Nghiên cứu những vấn đề: tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp, các nghiệp vụ, kỹ thuật, nghệ thuật kinh doanh của doanh nghiệp thương mại. Các vấn đề trên được nghiên cứu một cách hệ thống, giúp cho người học lựa chọn phương thức, giải pháp, biện pháp để áp dụng vào hoạt động quản trị một đơn vị kinh doanh thương mại và dịch vụ cụ thể.		
53	18011059	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Người học được cung cấp các kiến thức về: Khái niệm về quản trị sản xuất; Nội dung của quản trị sản xuất. Các nhiệm vụ, yêu cầu của nhà quản trị sản xuất. Quá trình hình thành và xu hướng phát triển của quản trị sản xuất. Các loại quá trình sản xuất. Bên cạnh đó còn giúp người học hiểu những kiến thức cơ bản có tính chất tổng quan về môn học; Hiểu các nội dung chính của toàn bộ chương trình các môn học và nội dung của quản trị sản xuất. Nắm rõ vai trò của quản trị sản xuất trong đời sống và sự phát triển của doanh nghiệp sản xuất.	3	
54	18011060	Quản trị logistics	Quản trị logistics là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hoạt động cung ứng vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây	3	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			dựng hệ thống quản lý chuỗi logistics trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.		
55	18011111	Quản trị văn phòng	Môn học Quản trị văn phòng nghiên cứu lý luận và thực tiễn về các công việc văn phòng như hoạch định, tổ chức, phối hợp, tiêu chuẩn hóa và kiểm soát các hoạt động xử lý thông tin. Về cơ bản, môn học có 3 nội dung chính: đại cương về hành chính văn phòng, quản trị hành chính văn phòng một cách khoa học và một số nghiệp vụ hành chính văn phòng như soạn thảo văn bản, tổ chức các cuộc họp, hội nghị, các chuyến công tác, công tác văn thư, lưu trữ, ...	3	
56	18011121	Hành vi tổ chức	Sau khi học xong môn hành vi tổ chức, học viên sẽ nắm được những vấn đề sau: Giải thích được mô hình hành vi tổ chức với các biến phụ thuộc và biến độc lập. Biết được các yếu tố liên quan đến cấp độ cá nhân như đặc tính tiêu sử, khả năng, tính cách, học tập, nhân thức, giá trị, thái độ, sự hài lòng và động cơ đã ảnh hưởng như thế nào đến các hành vi trong tổ chức. Giải thích được những ảnh hưởng của các biến trong cấp độ nhóm như mô hình hành vi nhóm, truyền thông, lãnh đạo, quyền lực và mâu thuẫn đến kết quả công việc và sự hài lòng của nhóm. Nêu lên những tác động của cơ cấu tổ chức và văn hóa tổ chức đến những hành vi mà nhà quản trị quan tâm	3	
57	18011023	Hành vi khách hàng	Học phần hành vi khách hàng chú trọng đến việc nghiên cứu các yếu tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng như thế nào. Cụ thể như các yếu tố thuộc về văn hóa, xã hội, gia đình hay các yếu tố như động cơ, cá tính, cảm xúc, thái độ ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng trong quá trình mua sắm. Nó giúp chúng ta tìm hiểu xem bằng cách nào (how) và tại sao (why) những người tiêu dùng mua (hoặc không mua) các sản phẩm và dịch vụ. Ngoài ra, học phần này đi phân	3	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			tích sâu vào giai đoạn của quá trình ra quyết định và các yếu tố ảnh hưởng trong từng giai đoạn trong quá trình mua hàng của người tiêu dùng		
58	18011061	Quản trị sự đổi mới	Môn học Quản trị sự đổi mới cung cấp những hệ thống kiến thức, hệ thống lý luận về quản trị sự đổi mới hoạch định cho sự đổi mới, tổ chức và điều hành quá trình đổi mới, đánh giá sự đổi mới, các yếu tố để thành công trong quản trị sự đổi mới ở doanh nghiệp, nhà quản trị sự đổi mới và quản trị sự đổi mới trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.	3	
59	18011008	Thương mại điện tử	Môn học Thương mại điện tử nghiên cứu lý luận và thực tiễn về các hoạt động thương mại điện tử trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Mục đích cụ thể đối với người học gồm: Trang bị những kiến thức cơ bản, tổng quan về thương mại điện tử cả về lý thuyết lẫn thực hành; Hiểu được thương mại điện tử là gì, các chiến lược và tiến hành được tổ chức, quản lý như thế nào; Những cơ hội lớn và cả nguy cơ, rủi ro mà các tổ chức sẽ phải đối mặt khi ứng dụng thương mại điện tử; Sử dụng được các công cụ điện tử để tiến hành hoạt động kinh doanh như: nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước, quảng cáo, tìm kiếm đối tác, thực hiện các quy trình giao dịch thương mại điện tử như ký hợp đồng, giao nhận vận tải, thanh toán điện tử...; Hiểu được vai trò, tầm quan trọng và triển vọng của thương mại đối với nền kinh tế quốc dân; Đánh giá được các cơ may, cũng như hiểm họa của thương mại điện tử; Nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng các mô hình thích hợp về thương mại điện tử cho các doanh nghiệp.	2	
60	18021012	Nghiệp vụ ngoại thương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hoạt động ngoại thương như lập phương án kinh doanh ngoại thương, soạn thảo hợp đồng, các hoạt động quảng cáo, phân phối.		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			Sau khi hoàn thành học phần Sinh viên áp dụng được các các phương pháp và kỹ thuật để thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu và thông tin kinh doanh trong giải quyết các vấn đề kinh doanh, giải thích được các tình huống kinh doanh, tổng hợp được kinh nghiệm trong kinh doanh. Sinh viên hình thành năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ		
61	18011088	Giao dịch thương mại quốc tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan tới hoạt động thương mại trên thị trường thế giới. Môn học tập trung vào các phương thức tiến hành các giao dịch thương mại trong môi trường quốc tế phức tạp với những khác biệt về chính trị, kinh tế, chính sách thương mại, ngôn ngữ và văn hóa... Các giao dịch được tiến hành phù hợp với quy định và tập quán quốc tế dưới nhiều hình thức khác nhau như mua bán trực tiếp, giao dịch qua trung gian, giao dịch tái xuất, mua bán đối lưu, đấu giá, đấu thầu và nhượng quyền thương mại.		
62	18011006	Đạo đức kinh doanh	Học phần Đạo đức giúp người học nắm được những kiến thức về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Rèn luyện kỹ năng phân tích, dự báo, ... và các kỹ năng cần thiết để vận dụng các nhân tố đạo đức và trách nhiệm xã hội vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Phát huy tính chủ động, nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của đạo đức và trách nhiệm xã hội trong hoạt động kinh doanh.	2	
63	18021004	Thuế	Giới thiệu khái quát hoá cơ sở lý luận Thuế và các Luật thuế cơ bản đang được vận hành trong nền kinh tế thị trường Việt Nam. Thuế hiện nay đóng một vai trò hết sức quan trọng và là công cụ trọng yếu của Nhà nước. Bên cạnh việc tạo lập nguồn thu cho NSNN, thuế còn là công cụ điều tiết và	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			quản lý kinh tế vĩ mô, khắc phục những hạn chế của thị trường và tái phân phối thu nhập XH . Chính vì thế, việc trang bị cho sinh viên thuộc khối ngành Quản trị kinh doanh các kiến thức về thuế là hết sức cần thiết .		
64	18021034	Phân tích dự án đầu tư	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập dự án (các loại dự án đầu tư, nguồn hình thành vốn đầu tư,... và hệ thống các văn bản pháp luật về dự án đầu tư của Việt Nam). Học phần được bắt đầu từ việc xem xét những vấn đề lý luận chung về đầu tư phát triển, về dự án đầu tư phát triển. Trên cơ sở đó, đi sâu xem xét trình tự và các nội dung cần nghiên cứu trong quá trình soạn thảo dự án đầu tư; xem xét công tác tổ chức soạn thảo dự án; xem xét nội dung, phương pháp phân tích đánh giá các khía cạnh của dự án ở giai đoạn nghiên cứu khả thi: Nghiên cứu điều kiện vĩ mô, nghiên cứu khía cạnh thị trường, nghiên cứu khía cạnh kỹ thuật, nghiên cứu khía cạnh tổ chức quản lý và nhân sự, nghiên cứu khía cạnh tài chính và kinh tế - xã hội	2	
65	14011009	Công nghệ sản xuất sạch	Học phần Công nghệ sản xuất sạch bao gồm hệ thống tri thức cơ bản về: Những vấn đề chung về sản xuất sạch hơn; Phương pháp và kỹ thuật thực hiện sản xuất sạch hơn; Sử dụng hiệu quả năng lượng trong sản xuất sạch hơn; Đánh giá vòng đời sản phẩm (Life Cycle Assessment); Hướng dẫn thực hiện trường hợp áp dụng sản xuất sạch hơn.	2	
66	18011062	Nghiên cứu Marketing	Chú trọng vào các lý thuyết cơ bản và cách thức thực hành nghiên cứu Marketing, từ việc các định các vấn đề nghiên cứu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, thu thập dữ liệu để chuẩn bị cho việc xử lý phân tích dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu.		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
67	18011063	Quản trị truyền thông Marketing tích hợp	Giới thiệu các công cụ, kỹ thuật và phương tiện truyền thông được sử dụng để chiêu thị sản phẩm. Truyền thông marketing tích hợp là một chiến lược phối kết hợp các công cụ truyền thông nhằm gia tăng mức độ tác động đến khách hàng mục tiêu. Người học sẽ được tiếp cận việc phân tích các cơ hội để chiêu thị, phân tích tiến trình truyền thông, thiết lập mục tiêu và ngân sách IMC. Môn học cũng tập trung vào nghiên cứu các chức năng và các thành phần cơ bản của chiêu thị trong các chương trình marketing của doanh nghiệp; các khái niệm và tiến trình thiết lập chiến lược IMC.		
68	18011064	Marketing dịch vụ	Giới thiệu và giúp sinh viên biết được những vấn đề liên quan đến marketing dịch vụ, so sánh sự khác nhau và giống nhau giữa marketing dịch vụ và marketing sản phẩm hữu hình. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn 2 bản về chất lượng dịch vụ, nhận biết các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ, phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ của một doanh nghiệp, vì các doanh nghiệp ngày nay đòi hỏi phải chú trọng đến khả năng làm hài lòng khách hàng, chất lượng dịch vụ, dịch vụ khách hàng...		
69	18011066	Marketing công nghiệp	Cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý marketing nói chung và sự vận dụng chúng vào lĩnh vực công nghiệp như: nghiên cứu và phân tích khách hàng là tổ chức; phân đoạn thị trường và xác định thị trường mục tiêu; xây dựng chính sách marketing trong lĩnh vực công nghiệp: chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến		
70	18011066	Marketing quốc tế	Nhấn mạnh đến việc tìm hiểu các nguyên tắc, qui trình, mô hình, các lý thuyết, khái niệm và các khuôn khổ làm nền tảng cho các học phần chuyên ngành và cho thực		



TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			hành quản trị hoạt động marketing quốc tế. Học phần marketing quốc tế sẽ cho phép sinh viên đạt được sự hiểu biết rộng rãi về người tiêu dùng và hoạt động marketing của các doanh nghiệp. Học phần marketing quốc tế giúp sinh viên phát triển được kỹ năng thực hành và thái độ tích cực để áp dụng các lý thuyết đã học vào các tình huống thực tế.		
71	18011130	Marketing xanh	Môn học này là giúp cho sinh viên: Làm quen với các khái niệm mới trong Marketing; Nhận thức được tầm quan trọng của Marketing xanh trong hoạt động kinh doanh và trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội; Nắm được những khái niệm căn bản nhất liên quan đến Marketing xanh; Hiểu rõ được sự tương tác giữa tiêu dùng và môi trường.	3	
72	18011027	Quản trị thương hiệu	Cung cấp những nguyên tắc nền tảng về thương hiệu và quản trị thương hiệu. Học phần cho thấy tầm quan trọng của công tác quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp, quá trình quản trị thương hiệu và nội dung của công tác quản trị thương hiệu. Bên cạnh đó giúp sv nắm vững những kiến thức về thương hiệu và quản trị thương hiệu, có kỹ năng thiết kế và xây dựng kế hoạch quảng bá thương hiệu.		
73	18011113	Quản trị bán hàng	Học phần đề cập đến những nội dung liên quan đến Quản trị bán hàng: Tổng quan về quản trị bán hàng, Các phương thức bán hàng mới, Hoạch định chức năng bán hàng, Dự báo doanh số tiềm năng, Quản trị các kênh phân phối, Quản trị viên bán hàng, Tuyển dụng – Đào tạo – Đãi ngộ, Quản trị thời gian, năng suất và thành quả, Các phương thức bán hàng ra nước ngoài.	3	
74	18011014	Quản trị rủi ro	Học phần Quản trị rủi ro bao gồm: khái quát những vấn đề cơ bản về rủi ro như: nhận dạng các rủi ro tài chính, các công cụ tài chính phái sinh, các công cụ phái sinh	2	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Ghi chú
			trên thị trường ngoại hối; định giá và quyết định đầu tư trong rủi ro và phòng ngừa rủi ro: quản lý rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro lãi suất, quản lý rủi ro tỷ giá; và liên hệ với thực tiễn quản lý rủi ro tài chính ở Việt Nam. Giới thiệu cho sinh viên biết cấu trúc của một chương trình quản trị rủi ro.		
75	18021024	Quản trị chi phí kinh doanh	Cung cấp các kiến thức cơ bản về quản lý chi phí, từ đó người học sẽ nhận biết được tình hình thực tế của những dự án đầu tư, các kế hoạch kinh doanh cũng như thực trạng hoạt động của công ty. Hoàn thành học phần sẽ giúp người học sẽ nhận biết và đề xuất được các phải pháp tài chính nhằm tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp từ đó cải thiện hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận cho công ty.		
<b>4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>					
76	18011037	Thực tập tốt nghiệp	Học phần Thực tập tốt nghiệp nghiên cứu thực tiễn về hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở các doanh nghiệp BĐS. Những vấn đề nghiên cứu cơ bản: công tác tổ chức bộ máy quản lý, sản phẩm – thị trường; công tác lao động – tiền lương; công tác quản lý các nguồn lực vật chất; hoạt động marketing; tình hình tài chính và công tác kế toán...	4	
77	18011038	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần Khóa luận tốt nghiệp nghiên cứu thực tiễn về hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở các doanh nghiệp từ đó đề xuất giải pháp giải quyết những vấn đề tồn tại trong những hoạt động cơ bản tại thực tế doanh nghiệp. Những vấn đề nghiên cứu cơ bản: công tác tổ chức bộ máy quản lý, sản phẩm – thị trường; công tác lao động – tiền lương; công tác quản lý các nguồn lực vật chất; hoạt động marketing; tình hình tài chính và công tác kế toán...	8	

### 5.8. So sánh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học khác cùng ngành làm cơ sở đánh giá, rà soát, cải tiến, cập nhật và phát triển chương trình như Trường Đại học Tài chính – Marketing và Đại học Seoul Hàn Quốc

**Bảng so sánh chương trình đào tạo**

Mô tả	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh		Trường ĐH Tài chính – Marketing		Đại học Seoul	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
<b>Kiến thức giáo dục đại cương:</b>	30	22.4	38	30.4	24	18.5
<b>Kiến thức cơ sở</b>	49	36.6	9	7.2	30	23.1
<b>Kiến thức ngành:</b>			32	24	28	21.5
<b>Kiến thức chuyên ngành:</b>	23	17.2	24	19	12	9.2
<b>Tự chọn:</b>	20	14.9	50	37	24	18.5
<b>Tốt nghiệp:</b>	12	8.9	13	10.4	12	9.2
<b>Tổng cộng</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>125</b>	<b>92.6</b>	<b>130</b>	<b>100</b>

Nhận xét: Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường đại học Tài nguyên và Môi trường TPHCM với khối lượng kiến thức Giáo dục đại cương có số tín chỉ là 30 (chiếm 22.4%), thấp hơn so với chương trình đào tạo ngành Quản trị của trường Đại học Tài chính – Marketing (30.4%) và cao hơn so với trường Đại học Seoul Hàn Quốc. Tuy nhiên, về khối lượng kiến thức cơ sở thì tỉ lệ của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TPHCM chiếm cao hơn (36.6% so với 7.2% và 23.1%).

### 5.9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

1) Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được xây dựng trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo và nhu cầu nhân lực thực tế, bao gồm 135 tín chỉ.

2) Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

3) Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian trên cơ sở chương trình đào tạo và cây môn học, với sự hướng dẫn của cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

4) Thực tập, kiến tập: Trong khóa học sinh viên được tham quan thực tế các doanh nghiệp, trước khi làm tốt nghiệp sinh viên được đi thực tập thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh.

5) Phương pháp dạy, học: Kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực, tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy và học.

6) Kiểm tra, thi: Tùy theo từng môn học, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do các giáo viên đánh giá, kết thúc môn học sinh viên sẽ được đánh giá thông qua một bài thi hết môn. Kết quả đánh giá là sự kết hợp của 2 hình thức: thi kết thúc môn và đánh giá quá trình của các giáo viên giảng dạy môn học.

7) Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8) Trường Khoa Kinh tế Tài nguyên Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Khoa Kinh tế Tài nguyên Môi trường đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập,...

9) Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật định kỳ theo quy định. Những thay đổi như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá... được xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2018

TRƯỜNG KHOA TRƯỜNG PHÒNG  
ĐÀO TẠO

PGS TS Van Thi Thu Thu

Lê Hoàng Nghiêm

TRƯỜNG PHÒNG KTIẾU TRƯỞNG  
KTĐBCL&TTGD KTIẾU TRƯỞNG

Lê Lợi Phương



Vũ Xuân Cường

